

Số: /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO

Về việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Kính gửi: Bộ Tài chính

I. CÁC CĂN CỨ XÂY DỰNG BÁO CÁO

- Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/06/2012 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 08/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Thông báo số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ triển khai thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị.

- Các Nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị về định hướng phát triển một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng;

- Chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kết cấu hạ tầng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kế hoạch số 252-KH/TU ngày 16/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị về “tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”;

- Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Quyết định số 693/QĐ-TTg ngày 17/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 72-KL/TW ngày 23/02/2024 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại;

- Chương trình số 18-CTr/TU ngày 23/4/2012 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020;

- Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 03/07/2012 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình số 18-CTr/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ;

- Kế hoạch số 5061/KH-UBND ngày 24/6/2019 của UBND tỉnh về khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) trên địa bàn tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG TỈNH ĐẮK LẮK

1. Thực trạng thực hiện các nhiệm vụ rà soát, điều chỉnh, xây dựng quy hoạch, cơ chế/ chính sách cụ thể về phát triển kết cấu hạ tầng thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

a) Kết quả đạt được

(1) Tình hình triển khai thực hiện các đề án, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW; Kết luận 72-KL/TW trên địa bàn.

Để cụ thể hoá Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chương trình số 18-CTr/TU ngày 23/4/2012 thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 13-NQ/TW). Căn cứ Chương trình số 18-CTr/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1411/QĐ-UBND ngày 03/07/2012 về Kế hoạch thực hiện Chương trình số 18-CTr/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết số 16/NQ-CP của Chính phủ; cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ của Nghị quyết thành các nội dung cụ thể trong các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025 và lồng ghép trong các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch hàng năm, 5 năm, Kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh, xác định các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết số 13-NQ/TW là căn cứ quan trọng trong định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ của tỉnh, gắn với phát triển kết cấu hạ tầng toàn vùng.

Triển khai thực hiện Thông báo số 53-TB/TW ngày 30/3/2019 của Ban Chấp hành Trung ương về tình hình thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 5061/KH-UBND ngày 24/6/2019 chỉ đạo các Sở, ban, ngành liên quan có biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết 13-NQ/TW trên địa bàn tỉnh. Trong đó, xác định phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ là một trong những đột phá chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, nhằm hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, khắc phục điểm nghẽn, để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

(2) Xây dựng và thực hiện chính sách huy động và sử dụng vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

Giai đoạn 2012-2025, cùng với việc triển khai có hiệu quả, đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương về quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tỉnh đã chủ động rà soát, ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tế của địa phương; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng đến việc đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong các lĩnh vực như: giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao... nhằm giảm bớt gánh nặng cho đầu tư công, ban hành và thực thi các chính sách “cứng” và chính sách “mềm” để thu hút đầu tư; chỉ đạo cho các địa phương quy hoạch khu vực thuận lợi về cơ sở hạ tầng để kêu gọi đầu tư; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các thủ tục có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai thủ tục đầu tư triển khai dự án và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn. Với nguồn lực còn hạn chế, tỉnh đã ưu tiên đầu tư những dự án quan trọng, nhằm tập trung nguồn lực, giải quyết những điểm còn hạn chế, từng bước hình thành kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; tập trung, đa dạng các hình thức huy động vốn, đặc biệt khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào đầu tư hạ tầng, khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn để tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

(3) Xây dựng và thực hiện chính sách, cơ chế khuyến khích xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng, đặc biệt đối với hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, giáo dục, hạ tầng văn hóa, thể dục thể thao và du lịch...

- Cơ chế, chính sách ưu tiên hỗ trợ về vốn để thực hiện các chương trình, dự án trong các kế hoạch 5 năm, hàng năm; cơ chế, chính sách quản lý và phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước hợp lý cho các địa phương:

Căn cứ Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm và trên cơ sở nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2011-2015, 2016-2020 và 2021-2025, vốn chương trình mục tiêu quốc gia và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính), tỉnh đã triển khai thực hiện và ban hành các nghị quyết theo thẩm quyền và phân cấp của Trung ương; Tổ chức lồng ghép các cơ chế, chính sách vào Kế hoạch; các chương trình, dự án để tổ chức triển khai thực hiện. Góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra trong giai đoạn 2021-2025 và phù hợp các quy hoạch được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Thu hút tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển nền kinh tế, đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội thiết yếu, trong đó vốn đầu tư công tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, các chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG); ưu tiên các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, các vùng khó khăn, các dự án hạ tầng phục vụ cộng đồng dân sinh thuộc ngành y tế, giáo dục... Phân bổ vốn gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực; Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả trong lập kế hoạch đầu tư công trung hạn; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Thực hiện các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước và các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, HĐND tỉnh đã ban hành các Nghị quyết cụ thể về tiêu chí, định mức phân bổ trên địa bàn tỉnh¹. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đầu tư công trong phân bổ và sử dụng nguồn lực thực hiện chương trình trên địa bàn tỉnh được thực hiện tốt, đúng quy định.

- *Cơ chế, chính sách xúc tiến và thu hút đầu tư*: Ngoài việc triển khai đầy đủ những chính sách ưu đãi đầu tư chung theo quy định, để đẩy mạnh thu hút đầu tư, tỉnh cũng ban hành nhiều chính sách riêng² dành các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh với mục tiêu tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển bền vững, có hiệu quả qua đó thúc đẩy phát triển cộng đồng doanh nghiệp, tạo việc làm và thu nhập cho người dân; khai thác một cách có hiệu quả và phát huy tối đa các thế mạnh của tỉnh, góp phần phát triển đồng bộ hạ tầng trên địa bàn tỉnh.

- *Cơ chế, chính sách trọng tâm, đặc thù của vùng về giáo dục, đào tạo và dạy nghề để nâng cao chất lượng giáo dục, trình độ dân trí cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số*: Ngoài việc tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách về phát triển giáo dục, dạy nghề, chính sách đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số từ nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương; tỉnh Đắk Lắk cũng đã xây dựng các cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp với quy định để thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục và đào tạo và dạy nghề theo hướng đáp ứng các yêu cầu đổi mới; trong đó, ưu tiên đầu tư cho giáo dục, dạy nghề, phát triển hạ tầng kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn nhằm rút ngắn khoảng cách chênh lệch giữa các vùng trên địa bàn tỉnh³.

¹ Nghị quyết số 36/2020/NQ-HĐND về việc quy định các nguyên tắc, nguồn vốn, tiêu chí và định mức phân bổ ổn định vốn đầu tư phát triển bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2011 – 2015; Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND quy định về nguyên tắc, tiêu chí định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021-2025

² Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2011 quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2012 -2015

³ Các chính sách đầu tư đặc thù cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề như: Nghị quyết số 172/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh về việc quy định phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây

- Chương trình mục tiêu quản lý bảo vệ biên giới đất liền:

Trong thời gian qua, các xã biên giới trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm đầu tư từ nhiều Chương trình như: Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Dự án Quân dân y kết hợp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Y tế, ...Việc thực hiện các chính sách đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kinh tế xã hội ở vùng biên giới đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện và đem lại những hiệu quả tích cực. Các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế... được phát triển; cơ sở hạ tầng thiết yếu đã được đầu tư cơ bản mang lại hiệu quả thiết thực; tình hình sản xuất của các hộ gia đình đồng bào đã có nhiều chuyển biến theo hướng tích cực, đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được cải thiện và nâng cao; chất lượng giáo dục, điều kiện chăm sóc sức khỏe, thụ hưởng về văn hóa tinh thần ngày càng được nâng cao.

- Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn, cân đối lồng ghép các Chương trình mục tiêu quốc gia:

Triển khai thực hiện các Chương trình MTQG, tỉnh đã xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới⁴; tăng cường hướng dẫn lồng ghép nguồn vốn đầu tư giữa các chương trình MTQG, giữa Chương trình MTQG với các chương trình, dự án khác đầu tư trên cùng địa bàn ... Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã xây dựng và ban hành Quy chế sử dụng nguồn vốn huy động khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để giúp quản lý, sử dụng các nguồn vốn huy động khác một cách công khai, minh bạch, đúng mục đích và hướng tới hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình MTQG; phát huy vai trò làm chủ của người dân và cộng đồng, thực hiện dân chủ cơ sở trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát cộng đồng, đánh giá kết quả thực hiện; giúp tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động.

dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 -2020; Nghị quyết số 22/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về phân cấp, cơ cấu nguồn vốn đầu tư xây dựng trường học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2021 – 2025.

- Các văn bản về chính sách đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội buôn, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh như: Nghị quyết số 04-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa XIII) về phát triển kinh tế thôn, buôn đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; Chương trình số 655/CTr-UBND ngày 16/02/2012 của UBND tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội buôn, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ của tỉnh đến năm 2015,...

⁴ Như các Nghị quyết: số 50/2012/NQ-HĐND, ngày 06/7/2012 về quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và quản lý đầu tư xây dựng nông thôn mới tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2012-2015; số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 quy định mức hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình MTQG XDNTM trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020; số 20/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 về kéo dài thời gian thực hiện Nghị quyết số 173/2015/NQ-HĐND ngày 03/12/2015 của HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2016-2020.

b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

(1) Những khó khăn, hạn chế

Một số cơ chế, chính sách ban hành chậm, thiếu thống nhất; công tác quản lý nhà nước, phân cấp, phân quyền còn bất cập. Chưa chú trọng phát triển hạ tầng đa mục tiêu kinh tế - xã hội kết hợp với quốc phòng, an ninh, thích ứng với biến đổi khí hậu; hạ tầng kinh tế - kỹ thuật chưa đồng bộ, thiếu kết nối nội vùng, liên vùng và giữa các lĩnh vực hạ tầng; công tác đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và duy tu, sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng còn khó khăn, bất cập. Hạ tầng xã hội, văn hoá, thể thao, nhất là ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo chưa được đầu tư đúng mức; tình trạng ách tắc giao thông, úng ngập, ô nhiễm môi trường kéo dài nhiều năm, ảnh hưởng đến đời sống nhân dân tại một số đô thị.

(2) Nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế

a) Về khách quan

Thể chế, cơ chế, chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, vướng mắc, thiếu ổn định; các quy định về giải thích, áp dụng pháp luật còn chưa đầy đủ, gây khó khăn, lúng túng trong xử lý các vấn đề cụ thể. Cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung chưa rõ ràng.

b) Về chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, ngành, địa phương còn thiếu tính chủ động, quyết liệt; chưa tập trung mạnh mẽ vào những việc, những khâu quan trọng có tính quyết định. Việc triển khai các chủ trương, nghị quyết của Trung ương hiệu quả còn thấp. Tổ chức thực thi pháp luật, chính sách hiệu quả chưa cao; thiếu giải pháp đột phá huy động nguồn lực và tạo động lực mạnh mẽ để phát triển; cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính nhìn chung chưa thực sự hiệu quả và còn chậm so với nhiều địa phương trong cả nước. Năng lực dự báo tình hình, tư duy và tầm nhìn chiến lược còn hạn chế; phản ứng chính sách của một số cơ quan, đơn vị, địa phương còn chưa kịp thời.

- Công tác lãnh đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền về quốc phòng, an ninh còn hạn chế; việc kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên. Vai trò tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương của một số cơ quan chức năng chưa tốt. Việc phối hợp của các cơ quan, đơn vị chức năng trong công tác an ninh trật tự, nội chính ở một số vụ việc, địa bàn, thời điểm chưa nhịp nhàng, đồng bộ.

2. Thực trạng phát triển các lĩnh vực kết cấu hạ tầng trên địa bàn

(1) Hạ tầng giao thông

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, hệ thống hạ tầng giao thông của tỉnh Đắk Lắk đã được đầu tư mạnh mẽ từ nhiều nguồn vốn, hình thành mạng lưới giao thông ngày càng đồng bộ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa trong và ngoài tỉnh. Mạng lưới đường bộ từng bước được kết nối thông suốt từ trung tâm tỉnh đến các khu vực nông thôn, từ Tây Nguyên ra đến duyên hải miền Trung và các vùng lân cận.

Các dự án giao thông trọng điểm như cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột, đường Hồ Chí Minh (đoạn tránh phía Đông TP. Buôn Ma Thuột), cao tốc Bắc - Nam phía Đông, tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc – Nam và các tuyến ven biển Phú Yên đang được triển khai, góp phần hình thành mạng lưới giao thông chiến lược, thúc đẩy kết nối vùng.

Hiện tỉnh có bốn loại hình giao thông chính: đường bộ, đường thủy, đường sắt và hàng không.

- Toàn tỉnh có 10 tuyến quốc lộ dài 1.023,5 km, 23 tuyến tỉnh lộ dài 654 km, cùng hơn 5.800 km đường xã. Tỷ lệ nhựa hóa, bê tông hóa các tuyến đường quốc lộ và tỉnh lộ đạt trên 98%, 100% xã có đường ô tô đến trung tâm. Hệ thống 22 bến xe (20 bến xã hội hóa) cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại của nhân dân.

- Đường thủy nội địa ở phía tây tỉnh còn hạn chế do địa hình sông suối phức tạp, chỉ hoạt động tự phát phục vụ khai thác cát và sản xuất nhỏ lẻ. Trong khi đó, khu vực ven biển phía đông có 189 km bờ biển với cảng tổng hợp Vũng Rô (công suất 250.000 tấn/năm) và các cảng cá Phú Đông, Phường 6, Phú Lạc, Tiêu Châu, Dân Phước. Theo Quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam, khu bến Bãi Góc - Đông Hòa sẽ được đầu tư thành cảng tổng hợp phục vụ công nghiệp và năng lượng.

- Về hàng không, tỉnh có hai cảng đang khai thác hiệu quả: Buôn Ma Thuột và Tuy Hòa. Tuyến đường sắt Bắc - Nam dài khoảng 95 km qua địa bàn đang được nâng cấp, mở mới ga Xuân Sơn Nam và các đoạn đường gom. Tỉnh cũng đang đề xuất Trung ương hỗ trợ đầu tư cảng cạn và phát triển dịch vụ logistics.

- Về đường biển: Tỉnh Đắk Lắk có chiều dài bờ biển 189km, hiện có 01 cảng vận tải tổng hợp (cảng Vũng Rô), được thiết kế 250.000 tấn hàng hóa/năm và đưa vào sử dụng từ năm 2004, tiếp nhận tàu có tải trọng đến 3.000 tấn. Đồng thời có 04 cảng cá: Phú Đông, Phường 6, Phú Lạc, Tiêu Châu, Dân Phước. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021. Theo đó, Cảng biển Phú Yên

là cảng biển loại III thuộc nhóm cảng biển số 3 bao gồm khu bến Vũng Rô và khu bến Bãi Góc - Đông Hòa; khu bến Bãi Góc - Đông Hòa với chức năng phục vụ KCN Bãi Góc, liên hợp lọc dầu, luyện kim và ngành năng lượng, có bến tổng hợp, hàng rời, hàng lỏng/khí tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 tấn và các tàu chuyên dùng phát triển phù hợp theo nhu cầu của thị trường, khả năng huy động vốn của nhà đầu tư.

- Đường sắt Bắc - Nam qua địa bàn tỉnh dài khoảng 95km, hiện đang hoàn thành công trình gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới ga đường sắt Xuân Sơn Nam và xây dựng một số đoạn đường gom dọc đường sắt Bắc - Nam.

Hiện nay UBND tỉnh đang đề xuất Trung ương hỗ trợ nguồn vốn đầu tư có mục tiêu cho địa phương một số cảng cạn và phát triển dịch vụ logistics.

Tuy nhiên, thực trạng vẫn còn không ít khó khăn, thách thức, một số tuyến đường đã xuống cấp do đã được đầu tư khai thác sử dụng thời gian dài, kinh phí bảo trì hạn chế, lưu lượng phương tiện vận tải ngày càng lớn và chịu sự tác động của mưa lũ. Nguồn lực đầu tư còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước, trong khi nhu cầu nâng cấp, mở mới là rất lớn.

Trong thời gian tới, UBND tỉnh sẽ đề xuất các Bộ, ngành Trung ương đề ưu tiên triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm đảm bảo theo lộ trình kế hoạch đề ra, trong đó ưu tiên tập trung đầu tư các dự án có tính liên kết vùng (*trong đó ưu tiên các tuyến kết nối “biển” – “rừng”*). Đồng thời, huy động tối đa mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó ưu tiên đầu tư kết cấu trên địa bàn tỉnh.

(2) Hạ tầng cung cấp điện

* Hệ thống nguồn điện hiện có

- Thủy điện: Toàn tỉnh có 25 nhà máy thủy điện đang hoạt động với tổng công suất 1.223,67 MW; thêm 4 nhà máy giáp ranh (69 MW) có ảnh hưởng đến lưu vực hạ du.

- Điện gió: Có 2 nhà máy (Ea Nam 400 MW và HBRE 28,8 MW), tổng công suất 428,8 MW.

- Điện mặt trời: 16 nhà máy nổi lưới với tổng công suất 1.607,75 MW và 6.515 hệ thống điện mặt trời mái nhà (758,63 MWp).

- Điện sinh khối: 1 nhà máy hoạt động công suất 30 MW.

* Tình hình triển khai các dự án điện năng lượng tái tạo theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh:

Theo Danh mục các dự án nguồn và lưới điện được phân bổ tăng thêm tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch điện VIII điều chỉnh và Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương phê duyệt kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII điều chỉnh thì trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới), gồm các nguồn điện:

- Giai đoạn 2025-2030: Được quy hoạch 90 dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất là 7.780,5 MW, trong đó:

+ Thủy điện gồm 12 dự án với tổng công suất 351,5 MW; (Phía tây 06 dự án công suất 267,5 MW, phía đông 06 dự án công suất 84 MW).

+ Điện mặt trời tập trung gồm 27 dự án với tổng công suất 4.314 MW (Phía Tây 18 dự án, công suất 3.329 MW, 01 dự án ĐMTMN công suất 30MW; phía Đông 08 dự án công suất 955 MW).

+ Điện gió gồm 42 dự án với tổng công suất 2.796 MW; (Phía Tây: 04 dự án theo KL1027 công suất 200MW, 06 dự án đã có chủ trương đầu tư công suất 85MW, 12 dự án công suất 1.085 MW, 08 dự án đang lập BCNCTKT công suất 662 MW ; phía đông 10 dự án công suất 632 MW và 02 dự án đang lập BCNCTKT, công suất 132 MW).

+ Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt và phát điện gồm 03 dự án với tổng công suất 34 MW.

+ Điện sinh khối gồm 06 dự án với tổng công suất 285 MW; (phía tây 02 dự án với công suất 140 MW, phía đông 03 dự án với công suất 115 MW và 01 dự án đang lập BCNCTKT công suất 30MW).

- Giai đoạn 2031-2035: Được quy hoạch 33 dự án năng lượng tái tạo với tổng công suất là 6.183 MW, trong đó:

+ Thủy điện gồm 04 Dự án với công suất 64 MW;

+ Điện mặt trời tập trung gồm 14 dự án với tổng công suất 4.957 MW;

+ Điện gió gồm 15 dự án với tổng công suất 1.162 MW. (phía tây 15 dự án công suất 1.162 MW, phía Đông không có dự án trong giai đoạn 2031-2035).

- Tình hình thực hiện các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, hiện đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư:

+ Thủy điện: Có 01 dự án thủy điện Ea Tih, công suất 8,6 MW đã được chấp thuận chủ trương đầu tư hiện nay đang hoàn thiện các bước chuẩn bị đầu tư dự án (đã lập đánh giá tác động môi trường, đã hoàn thiện thủ tục phòng cháy chữa cháy, hiện đang hoàn thiện hồ sơ về đất đai và trình thẩm định hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công,...) để thực hiện việc triển khai thi công. Theo kế hoạch dự kiến sẽ đưa nhà máy vào phát điện năm 2026.

- Điện mặt trời: Có 01 dự án nhà máy điện mặt trời nổi (KN Sêrêpôk 3) có công suất 380 MWp, hiện Nhà đầu tư đang đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư, triển khai lập thiết kế cơ sở, thỏa thuận hướng tuyến đường dây 500kV đấu nối và trạm biến áp. Dự kiến hoàn thành vào năm 2026.

- Điện gió: Tỉnh Đắk Lắk (cũ) đã chấp thuận chủ trương đầu tư 06 dự án với tổng công suất 85 MW³ và tỉnh Phú Yên (cũ) đã chấp thuận chủ trương đầu tư 02 dự án với tổng suất 249,9 MW⁴. Các dự án này hiện đang hoàn thiện các thủ tục đầu tư theo quy định để tiến hành thi công. Dự kiến hoàn thành phát điện vào năm 2026.

- Điện sinh khối: Tỉnh Phú Yên (cũ) đã chấp thuận chủ trương đầu tư 01 dự án với công suất 45 MW. Nhà đầu tư hiện nay đang triển khai các bước lập dự án đầu tư. Dự kiến triển khai đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành trong năm 2028.

* Thực trạng triển khai các dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện trên địa bàn, mở rộng lưới điện tới các vùng nông thôn, biên giới, hải đảo:

- Về hệ thống lưới điện truyền tải trên địa bàn tỉnh hiện nay: Tính đến nay, hệ thống điện truyền tải trên địa bàn toàn tỉnh có 335,405 km đường dây 500 kV; 667,821 km đường dây 220 kV và 04 trạm biến áp 220 kV với tổng dung lượng các máy biến áp là 1.190 MVA.

- Về hệ thống lưới điện phân phối trên địa bàn tỉnh hiện nay: có 821,3 km đường dây 110 kV, 26 trạm biến áp 110 kV với tổng dung lượng là 1.235 MVA; 229,06 km đường dây 35 kV; 4.807,67 km đường dây 22 kV và 6.298,11 km đường dây 0,4 kV cùng với 9.322 trạm biến áp (35 kV, 22 kV, 10 kV) với tổng công suất là 2.649.000 kVA.

Theo từng giai đoạn, các dự án được triển khai thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương, cụ thể: Trạm biến áp 500kV, đường dây 500kV: Nêu tại Bảng 7, Bảng 8 Phụ lục II.2 kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương; Trạm biến áp 220kV, đường dây 220kV: Nêu tại Bảng 9, Bảng 10 Phụ lục II.2 kèm theo Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương.

Qua rà soát đến ngày 05/7/2025, tỉnh Đắk Lắk (khu vực phía Tây) có khoảng 2.074 hộ dân sinh sống tại 45 thôn, buôn của 11 xã, phường chưa được sử dụng nguồn điện lưới quốc gia. Nhu cầu cần đầu tư với quy mô khoảng 50,52 km đường dây trung áp 22kV; 106,98 km đường dây hạ áp và 43 trạm biến áp; tổng mức đầu tư khoảng 150 tỷ đồng. Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk chưa được bố trí nguồn vốn đầu tư lưới điện nông thôn từ Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo (Quyết định số 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 của Bộ Công Thương) nên khó khăn trong việc triển khai thực hiện.

* Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng cấp điện (theo các nguồn vốn và nguồn điện) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025:

Giai đoạn 2010-2020 tổng mức đầu tư là 26.807,92 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2025 tổng mức đầu tư 24.378 tỷ đồng, cụ thể:

- Giai đoạn 2010-2020:

+ Điện gió: Nhà máy điện gió Phong điện Tây Nguyên giai đoạn 1, vốn đầu tư 1860.222 tỷ đồng

+ Điện mặt trời: Srêpôk 1 (1.200 tỷ đồng), Quang Minh (1.082 tỷ), Long Thành 1 (1.272,5 tỷ); BMT (676,882 tỷ); Jang Pông (655 tỷ); Xuân Thiện Ea Súp 1 (2.568 tỷ), Xuân Thiện Ea Súp 2 (2.568 tỷ), Xuân Thiện Ea Súp 3 (2.567 tỷ), Xuân Thiện Ea Súp 4 (3.851 tỷ), Xuân Thiện Ea Súp 5 (3.848 tỷ); ĐMT Hòa Hội (4.985 tỷ); ĐMT Europlast Phú Yên (1.045); ĐMT Thặng Long AAA (1.173 tỷ); ĐMT Xuân Thọ 1 (1.247 tỷ); ĐMT Xuân Thọ 2 (1.237 tỷ); ĐMT Thành Long Phú Yên (1.135 tỷ).

+ Điện thủy điện: Srêpôk 4a (2.091,898 tỷ); Hòa Phú (750 tỷ), Ea Súp 3 (254,028 tỷ); Ea Tul 4 (170 tỷ); Ea Kar (79,635 tỷ); Ea Đăng 2 (124,422 tỷ); Thủy điện 715 (55 tỷ); Chư Pông Krông (297,933 tỷ); Thủy Điện Sơn Giang (282,4 tỷ).

+ Điện sinh khối: Nhà máy điện sinh khối KCP Phú Yên (554 tỷ)

- Giai đoạn 2021-2025:

+ Điện gió: Cư Né 1 (2.209 tỷ); Cư Né 2 (1.952 tỷ); Krông Búk 1 (1.850 tỷ); Krông Búk 2 (1.867 tỷ); Ea Nam (16.500 tỷ); Sông cầu (1.764 tỷ); HBRE (4.956 tỷ).

+ ĐMT KN Srêpôk 3: 7.661,09 tỷ.

Nhìn chung mạng lưới điện phát triển đồng bộ, đảm bảo cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH, đi đôi với tiết kiệm, giảm tiêu hao năng lượng.

(3) Hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Giai đoạn 2010-2020: Tỉnh được Đảng và Nhà nước quan tâm đầu tư nâng cấp và mở mới 369 công trình thủy lợi theo quy hoạch thủy lợi phục vụ tưới cho hàng ngàn ha cây trồng, góp phần ổn định cuộc sống, nâng cao thu nhập của nhân dân với số vốn đầu tư 20.939,383 tỷ đồng, trong đó:

+ Khu vực phía Tây tỉnh (tỉnh Đắk Lắk cũ): Triển khai đầu tư xây dựng được 349 công trình (Sửa chữa, nâng cấp: 205 công trình, xây dựng mới: 144 công trình) với số vốn đầu tư 15.503,545 tỷ đồng.

+ Khu vực phía Đông tỉnh (tỉnh Phú Yên cũ): Triển khai đầu tư xây dựng được 20 công trình với số vốn đầu tư 5.435,838 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2021-2025: Toàn tỉnh triển khai xây dựng 89 công trình thủy lợi theo kế hoạch bao gồm Xây dựng mới; nâng cấp, sửa chữa các công trình/hạng mục công trình với tổng mức đầu tư 20.910,114 tỷ đồng, trong đó:

+ Khu vực phía Tây tỉnh (tỉnh Đắk Lắk cũ): Triển khai đầu tư xây dựng được 53 công trình với số vốn đầu tư 4.320,114 tỷ đồng.

+ Khu vực phía Đông tỉnh (tỉnh Phú Yên cũ): Triển khai đầu tư xây dựng được 36 công trình với số vốn đầu tư 16.590,0 tỷ đồng.

(4) Hạ tầng thông tin và truyền thông

- Hiện nay mạng lưới bưu chính đã phủ kín đến tất cả các xã phường. Tất cả các xã phường đã có điểm phục vụ Bưu chính.

- Hạ tầng viễn thông: Đến thời điểm hiện nay trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông với 2.648 trạm BTS; toàn tỉnh có 07 doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực viễn thông với tổng số lao động khoảng hơn 1.554 người. Hạ tầng viễn thông, Internet tốc độ cao đang mở rộng vùng phủ sóng đến toàn bộ khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt là khu vực đồng bào dân tộc thiểu số. Việc phủ sóng 4G đạt 99,65% dân cư, 5G đạt 26% dân cư.

- Hạ tầng chuyển đổi số số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030: Xây dựng hạ tầng số tập trung, thống nhất của tỉnh Đắk Lắk để phục vụ kế hoạch chuyển đổi số và xây dựng đô thị thông minh của Tỉnh, xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ đa dạng và chất lượng cho người dân và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng. Tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh trên không gian mạng một cách tập trung và đồng bộ. Trong đó:

+ Hạ tầng phần cứng (máy chủ, thiết bị lưu trữ, mạng và đường truyền, camera quan sát giao thông và trật tự an ninh, các thiết bị hạ tầng kỹ thuật) đảm bảo tính toán, xử lý, lưu trữ, phân phối thông tin và dữ liệu phục vụ hạ tầng chuyển đổi số.

+ Hệ thống phần mềm quản lý hình ảnh camera thông minh: Các phần mềm nền tảng ĐTTM tỉnh Đắk Lắk (SCP); Các hệ thống phần mềm phục vụ Trung tâm điều hành ĐTTM (IOC); Nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP; Hệ thống cơ sở dữ liệu nền và hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu tập trung (Data Warehouse); Hệ thống thông tin địa lý dùng chung tỉnh Đắk Lắk; Hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); Hạ tầng đảm bảo ATTT cho hạ tầng chuyển đổi số của tỉnh.

+ Dự kiến đưa vào sử dụng vào tháng 12/2025.

- Thực trạng huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025.

+ Giai đoạn 2021-2025: 330 tỷ

+ Giai đoạn 2026-2030: 712 tỷ

(5) Hạ tầng đô thị

** Về phát triển đô thị thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới):*

Ngày 16/6/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 1660/NQ-UBTVQH15, về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk năm 2025. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đắk Lắk (mới) có 102 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 88 xã và 14 phường).

Về dự kiến phát triển đô thị giai đoạn đến năm 2030: Hiện nay, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 đang tổng kết tình hình thực hiện, đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Còn đối với địa phương, các định hướng về hệ thống đô thị trong Quy hoạch tỉnh, Chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh... trước đây không còn phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; và hiện đang được rà soát, điều chỉnh quy hoạch, xác định các khu vực phát triển đô thị (hình thành các phường mới từ các khu vực có mức độ tập trung dân cư và mật độ dân cư cao phù hợp với tiêu chuẩn đô thị mới) làm cơ sở để từng bước đầu tư xây dựng và chỉnh trang đô thị.

Do chưa xác định tiêu chuẩn phân loại đô thị (mới), tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng (thành lập phường), nên tỉnh Đắk Lắk chưa có cơ sở để định hướng với các xã có dự kiến thành lập phường giai đoạn đến năm 2030.

** Về chương trình phát triển nhà ở xã hội*

- Ngày 27/02/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 444/QĐ- TTg về giao chỉ tiêu hoàn thành nhà ở xã hội trong năm 2025 và các năm tiếp theo đến năm 2030 để các địa phương bổ sung vào chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội, theo đó giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội đến năm 2030 cho tỉnh Đắk Lắk (gồm tỉnh Đắk Lắk cũ và tỉnh Phú Yên cũ) là 38.400 căn nhà ở xã hội; trong đó tỉnh Đắk Lắk (cũ) được giao chỉ tiêu là 18.800 căn nhà ở xã hội và tỉnh Phú Yên (cũ) được giao 19.600 căn hộ nhà ở xã hội.

- Giai đoạn 2025-2030 tỉnh Đắk Lắk được giao hoàn thành 38.007 căn nhà ở xã hội (riêng năm 2025 được giao hoàn thành 2.255 căn nhà ở xã hội).

- Về tình hình triển khai thực hiện: Triển khai Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh Đắk Lắk đã chỉ đạo các sở, ban, ngành địa phương quyết liệt, khẩn trương thực hiện việc phát triển nhà ở xã hội, kết quả cụ thể:

+ Đã hoàn thành đưa vào sử dụng (giai đoạn 2021-2024) 01 dự án, **393 căn nhà ở xã hội**⁽⁵⁾.

+ Dự kiến đến cuối năm 2025 đạt chỉ tiêu 2.255 căn nhà ở xã hội (gồm hoàn thành và đang khởi công), cụ thể:

++ Tiếp tục triển khai 04 dự án⁽⁶⁾, khoảng 1.348 căn (trong đó đã hoàn thành 352 căn nhà ở xã hội và dự kiến 996 căn đủ điều kiện để bán vào cuối năm);

++ Khởi công xây dựng 02 dự án⁽⁷⁾, khoảng 907 căn nhà ở xã hội (*đã tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh kết quả lựa chọn nhà đầu tư tại các Tờ trình: số 84/TTr-SXD ngày 19/9/2025 và số 85/TTr-SXD ngày 19/9/2025; dự kiến khởi công xây dựng trong quý IV-2025*).

- Kế hoạch giai đoạn 2026-2030:

+ Tiếp tục triển khai: 12 dự án, tổng 10.452 căn nhà ở xã hội (bao gồm 907 căn nhà ở xã hội đang khởi công trong năm 2025);

+ Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch để triển khai các khu đất đã được HĐND tỉnh Phú Yên (cũ) thông qua Danh mục dự án tại Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 06/12/2024, tổng diện tích khoảng 28,5 ha, khoảng 14.415 căn nhà ở xã hội; nghiên cứu triển khai mới 11 khu đất⁸ (quy hoạch nhà ở xã hội) khoảng 43,87 ha, khoảng 10.410 căn nhà ở xã hội.

- Với kết quả triển khai trong thời gian qua, tổng số căn nhà ở xã hội dự kiến triển khai cho cả giai đoạn 2021-2030 khoảng 37.018 căn nhà ở xã hội (393 + 1.348 + 10.452 + 14.415 + 10.410), đạt 96,4% so với chỉ tiêu 38.400 căn được giao tại Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ.

* Như vậy, việc kêu gọi đầu tư, bố trí quỹ đất phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh cơ bản đáp ứng yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tập trung, quyết liệt rà soát quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất để bố trí đủ quỹ đất thu hút đầu tư nhà ở xã hội đảm bảo đạt 100% chỉ tiêu được giao cho tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 là 38.400 căn nhà ở xã hội.

⁵ Dự án Nhà ở xã hội Nam Hùng Vương, phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, 393 căn nhà ở xã hội.

⁶ (1) Dự án Khu dân cư Hà Huy Tập, phường Tân An (Khu đô thị Ân Phú, 330 căn nhà ở xã hội); (2) Khu đô thị dân cư Km7, phường Tân An (Khu đô thị Eco city, 797 căn nhà ở xã hội); (3) Tổ hợp Trung tâm thương mại - Khách sạn - Nhà ở số 02 Mai Hắc Đế (155 căn nhà ở xã hội); (4) Khu phức hợp đa chức năng số 161 Nguyễn Chí Thanh (66 căn nhà ở xã hội).

⁷ (1) Dự án Khu nhà ở xã hội An Phú, thành phố Tuy Hòa (Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Phú Yên, 2.270 căn nhà ở xã hội), (2) Dự án Khu nhà ở xã hội phía Bắc đường Trần Phú, phường 9, thành phố Tuy Hòa (Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 27/5/2025 của UBND tỉnh Phú Yên, 480 căn nhà ở xã hội).

⁸ Đã tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh tăng chiều cao tầng lên 10-12 tầng (tại Công văn số 1906/SXD-QLN&TTBĐS ngày 17/9/2025).

(6) Hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế

**** Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (CCN):***

- Theo Phương án phát triển cụm công nghiệp được tích hợp trong quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1747/QĐ-TTg và Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 thì trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (mới) có 56 cụm công nghiệp (CCN) với tổng diện tích quy hoạch 2.946 ha. Hiện tại, có 22 CCN được thành lập với tổng diện tích 1.055 ha.

- Trong số 22 CCN được thành lập có 05 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư hạ tầng, 17 CCN do UBND cấp huyện (trước đây) quản lý và hiện nay bàn giao cho UBND cấp xã.

+ Đối với các CCN do UBND cấp xã quản lý

Có 6 CCN phía Tây Đắk Lắk có diện tích tương đối lớn, cơ bản được đầu tư kết cấu hạ tầng CCN, trong đó có hệ thống xử lý nước thải, đã thu hút nhiều dự án có quy mô lớn vào sản xuất, kinh doanh; các CCN này có tỷ lệ lấp đầy khá cao, bình quân khoảng 88,09%. Đối với 11 CCN phía Đông Đắk Lắk có diện tích tương đối nhỏ, việc đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật CCN chưa được đồng bộ, trong đó có 6 CCN chưa được đầu tư hạ tầng kỹ thuật, chưa được đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung; các CCN này có tỷ lệ lấp đầy khá thấp, bình quân khoảng 16,43%.

+ Đối với các CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư:

Trong số 05 CCN do doanh nghiệp làm chủ đầu tư, hiện có 02 CCN đã hoạt động và 03 CCN đang thực hiện thủ tục đầu tư và chấp thuận chủ trương đầu tư, cụ thể:

(-) CCN Tân An 1 và Tân An 2: Đã hoạt động ổn định, lấp đầy 100%, song hệ thống xử lý nước thải tập trung chưa hoàn thiện.

(-) CCN Hòa Sơn: Chưa hoàn tất thủ tục đầu tư do chủ đầu tư chưa đáp ứng yêu cầu của UBND tỉnh.

(-) CCN Buôn Chấm và Tân Tiến: Đang hoàn thiện hồ sơ đầu tư, gặp khó khăn do chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng tăng cao.

**** Hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp (KCN):***

- Theo quy hoạch phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, phương án phát triển khu công nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ) có 05 khu công nghiệp, cụ thể: Khu công nghiệp Hòa Phú với diện tích sau khi điều chỉnh quy hoạch 330,23ha (đã bao gồm phần mở rộng 150ha), Khu công nghiệp Phú Xuân sau khi điều

chính quy hoạch với diện tích 313,03ha, Khu công nghiệp M'Đrăk với diện tích 300ha, Khu công nghiệp Ea H'leo diện tích quy hoạch 400ha và Khu công nghiệp Ea Kar với diện tích 480ha. Trong đó, các khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ, phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025 bao gồm 02 khu công nghiệp là Hòa Phú và Phú Xuân; các khu công nghiệp còn lại được xác định là khu công nghiệp tiềm năng thành lập mới trong trường hợp tỉnh được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp. Trên cơ sở quy hoạch được duyệt, tình hình thực tế triển khai các dự án hạ tầng khu công nghiệp như sau:

+ Khu công nghiệp Hòa Phú: Trên diện tích quy hoạch 180,23 ha, đến nay đã đầu tư hạ tầng tương đối đồng bộ khoảng 165 ha, đang tiếp tục hoàn thiện theo quy hoạch. Khu công nghiệp hiện thu hút 59 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 6.127 tỷ đồng, trong đó có 05 dự án FDI, vốn đăng ký khoảng 2.224 tỷ đồng (92,6 triệu USD). Phần mở rộng 150 ha chưa triển khai được do chưa có nguồn vốn và chưa có nhà đầu tư quan tâm. Hiện tỉnh ưu tiên hoàn thiện KCN Hòa Phú hiện hữu và triển khai KCN Phú Xuân.

+ Khu công nghiệp Phú Xuân: Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1708/QĐ-TTg ngày 31/12/2024, do Công ty Cổ phần DPV Đắc Lắc làm chủ đầu tư. Đến nay, nhà đầu tư đã hoàn thành công tác lấy ý kiến bồi thường, hỗ trợ; cơ bản hoàn thiện hồ sơ quy hoạch chi tiết 1/500, báo cáo ĐTM, báo cáo nghiên cứu khả thi; đang thực hiện các thủ tục thẩm định theo quy định. Dự kiến thi công hạ tầng kỹ thuật vào tháng 12/2025.

+ Đối với Khu công nghiệp Ea H'leo, Khu công nghiệp Ea Kar và Khu công nghiệp M'Đrăk: Các khu công nghiệp mới này hiện đang trong giai đoạn đề xuất lập quy hoạch phân khu để làm cơ sở kêu gọi đầu tư. Nội dung này đang được các sở, ngành liên quan rà soát và tham mưu cho UBND tỉnh.

- Đánh giá thực trạng xây dựng nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu cho lao động các khu công nghiệp:

+ Khu đô thị dịch vụ Khu công nghiệp Hòa Phú: Hiện đã triển khai các trình tự, thủ tục lập đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ Khu công nghiệp Hòa Phú, xã Hòa Phú và trình thẩm định tại Tờ trình số 24/TTr-KCN ngày 26/8/2025. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 05716/UBND-CN XD ngày 13/10/2025 về việc xử lý Công văn số 1947/SXD-

QHKT ngày 19/9/2025 của Sở Xây dựng về nhiệm vụ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị dịch vụ Khu công nghiệp Hòa Phú, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh đang rà soát, hoàn thiện hồ sơ để trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

+ Khu đô thị dịch vụ Khu công nghiệp Phú Xuân (chưa có quy hoạch): Căn cứ hồ sơ và bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk được UBND tỉnh Đắk Lắk phê duyệt tại Quyết định số 1219/QĐ-UBND ngày 31/5/2022, UBND huyện Cư Mgar đề xuất dự án nghiên cứu bố trí quỹ đất tối thiểu 2% tổng diện tích của Khu công nghiệp Phú Xuân để quy hoạch xây dựng nhà ở công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong Khu công nghiệp nằm trong tổng diện tích đất quy hoạch đất ở nông thôn tại điểm Khu dân cư mới xã Ea Drong, huyện Cư Mgar (nay là xã Cuôr Đăng) vị trí đối diện với Khu công nghiệp Phú Xuân, diện tích 92,48 ha.

** Khu Kinh tế Nam Phú Yên và các KCN phía Đông tỉnh Đắk Lắk:*

- Khu kinh tế Nam Phú Yên được Thủ tướng Chính phủ thành lập theo Quyết định số 53/2008/QĐ-TTg ngày 28/4/2008 với quy mô 20.730ha. Lũy kế đến nay, trong KKT Nam Phú Yên và các KCN phía Đông tỉnh Đắk Lắk đã thu hút được 126 dự án⁹ với diện tích đất đăng ký 1.427,15ha, trong đó có 110 dự án có vốn đầu tư đăng ký trong nước 31.320 tỷ đồng và 16 dự án có vốn đầu tư đăng ký nước ngoài 45,6 triệu USD; tỷ lệ lấp đầy bình quân tại 05 KCN đã đi vào hoạt động khoảng 81,24%.

- Theo quy hoạch, trên địa bàn phía Đông tỉnh Đắk Lắk hiện có 11 KCN với tổng diện tích 3.462ha, gồm: 08¹⁰ KCN thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên với tổng diện tích 3.206ha (trong đó 04/08 KCN đang được triển khai lập QHPK, 02 KCN đang hoạt động và 02 KCN nằm trong phạm vi nghiên cứu của Khu công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Becamex VSIP Phú Yên) và 03¹¹ KCN nằm ngoài KKT Nam Phú Yên với tổng diện tích 256ha.

Hiện có 05/11 KCN¹² phía đông tỉnh Đắk Lắk đã đi vào hoạt động với diện tích 431,5ha với tỷ lệ lấp đầy bình quân khoảng 81,24% và 02 KCN đang triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư xây dựng hạ tầng (KCN Hòa Tâm - Giai đoạn 1 và KCN Công nghệ cao Phú Yên). Hạ tầng kỹ thuật tại 4 KCN đang hoạt

⁹ (1) Khu kinh tế Nam Phú Yên: 63 dự án (trong đó: ngoài KCN: 26 dự án, KCN Hòa Hiệp 1: 35 dự án, KCN Hòa Hiệp 2: 02 dự án); (2) Các KCN: 63 dự án (trong đó: KCN An Phú: 37 dự án; KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV1: 23 dự án; KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV2: 03 dự án).

¹⁰ Có 02 KCN đã đi vào hoạt động với diện tích 175ha (KCN Hòa Hiệp 1: 101,5ha; KCN Hòa Hiệp 2: 73,18ha); 02 KCN đang triển khai thực hiện (KCN Công nghệ cao Phú Yên: 251,6ha; KCN Hòa Tâm - Giai đoạn 1: 491,7/1080ha) và 04 KCN đang kêu gọi đầu tư với tổng diện tích 1.700ha (KCN Hòa Xuân Tây: 454ha; KCN Hòa Xuân Đông: 420ha; KCN hậu cần sân bay: 354ha; KCN Hòa Thành: 472ha).

¹¹ KCN An Phú: 68,4ha; KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV1: 105,8ha; KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV2: 81,8ha

¹² KCN Đông Bắc Sông Cầu - Khu vực 1; KCN Đông Bắc Sông Cầu - Khu vực 2; KCN An Phú; KCN Hòa Hiệp 1; KCN Hòa Hiệp 2

động (gồm: KCN Hòa Hiệp 1, KCN An Phú, KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV1, KCN Đông Bắc Sông Cầu - KV2) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước với tổng diện tích đất là 358,33ha, tổng mức đầu tư là 320,34 tỷ đồng. Hạ tầng kỹ thuật tại các KCN trên được đầu tư cơ bản hoàn chỉnh, vận hành ổn định, đáp ứng được nhu cầu sử dụng mạng hạ tầng kỹ thuật cho các nhà đầu tư. Tại các KCN này đều có trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống quan trắc nước thải tự động; các công trình hạ tầng như: hệ thống giao thông, điện chiếu sáng, thu gom xử lý nước mưa, nước thải, cây xanh đều được đầu tư hoàn chỉnh và đồng bộ; được quản lý, duy tu bảo dưỡng định kỳ thường xuyên. Đối với KCN Hòa Hiệp 2 thì các nhà đầu tư được nhà nước cho thuê đất nguyên thổ để thực hiện dự án, không sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước để đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

- Hiện trạng đầu tư xây dựng nhà ở và các hạ tầng xã hội thiết yếu cho lao động các khu công nghiệp:

+ Về nhà ở cho lao động tại các Khu công nghiệp: Theo danh mục dự án nhà ở xã hội thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên (cũ) (tại Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh) thì trong địa bàn Khu kinh tế Nam Phú Yên có 04 khu đất để phát triển dự án nhà ở xã hội, với tổng diện tích khoảng 24,16 ha và 01 Khu đất phục vụ thiết chế công đoàn, với quy mô diện tích khoảng 4,1 ha.

+ Về công trình giáo dục: Mỗi đơn vị hành chính dân cư trong Khu kinh tế đều có hệ thống các trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo nhu cầu dạy và học, các công trình được xây dựng khá khang trang. Hiện có: 14 trường tiểu học, 08 trường THCS, 05 trường THPT (nằm trên địa bàn thành phố Tuy Hòa (cũ) có trường THPT Nguyễn Trường Tộ và trường THPT Ngô Gia Tự; nằm trên địa bàn thị xã Đông Hòa (cũ) có 03 trường: Lê Trung Kiên, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Văn Linh), 01 trung tâm KTTH - hướng nghiệp tỉnh. Nhìn chung KKT Nam Phú Yên quỹ đất dành cho giáo dục phổ thông cơ bản đã đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng và quy mô diện tích. Trên địa bàn KKT hiện nay chưa có cơ sở đào tạo chuyên nghiệp, trong quá trình xây dựng và vận hành KKT sẽ triển khai xây dựng các cơ sở đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực tại chỗ cho các đơn vị sản xuất và kinh doanh.

+ Về công trình Y tế: Bệnh viện đa khoa khu vực Phú Lâm, Bệnh viện thị xã Đông Hòa (cũ) được xây dựng kiên cố, cơ bản đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh cho người dân KKT và các khu vực lân cận. Tổng số giường bệnh y tế trong KKT Nam Phú Yên đạt 216 giường.

* Về huy động nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế (theo các nguồn vốn và theo lĩnh vực hạ tầng) giai đoạn 2011-2020 và 2021-2025:

- Thực trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại Khu kinh tế Nam Phú Yên: Có 14 dự án¹³ với tổng vốn đầu tư khoảng **4.283,831 tỷ đồng**. Các dự án này tập trung vào hạ tầng giao thông và hạ tầng kỹ thuật các Khu công nghiệp, Khu tái định cư, Khu đô thị mới. Nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng Khu công nghiệp, Khu kinh tế giai đoạn 2011 - 2020 và 2021 – 2025 chủ yếu được hỗ trợ từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh, tiến độ cấp vốn đảm bảo theo tiến độ thực hiện các dự án, kế hoạch vốn đầu tư công hàng năm và từng giai đoạn được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Trong 14 dự án tại Khu kinh tế Nam Phú Yên, đến thời điểm hiện nay đã có 11 dự án đã hoàn thành, 03 dự án đang triển khai thi công và còn đang vướng trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng¹⁴.

(7) Hạ tầng thương mại

- Về mạng lưới Siêu thị, TTTM:

Hiện nay toàn tỉnh có 10 siêu thị như: EB Buôn Ma Thuột (Go BMT), Co.opMart Buôn Ma Thuột, Co.opMart Buôn Hồ, Co.opMart Cư'Mgar, Mega Market Buôn Ma Thuột, Điện Máy Nội Thất Chợ Lớn (BMT), VinMart (phường Tuy Hòa), Co.opMart Tuy Hòa, Vinmart chi nhánh Đắc Lắc, Điện máy Chợ Lớn (phường Tuy Hòa); 04 trung tâm thương mại: TTTM Buôn Ma Thuột, Vincom Plaza BMT, TTTM Ea Kar, Vincom Plaza (phường Tuy Hòa).

- Về mạng lưới chợ, chợ đầu mối:

+ Về mạng lưới chợ: toàn tỉnh có 277 chợ, trong đó: 04 chợ hạng 1; 28 chợ hạng 2; 245 chợ hạng 3 (276 chợ dân sinh, 01 chợ đầu mối).

+ Về hình thức quản lý chợ: Đã thực hiện chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh và khai thác chợ: 122/277 chợ (chiếm 44%).

+ Về chợ đầu mối: Trên địa bàn tỉnh có 01 chợ đầu mối Tân Hòa chuyên ngành rau củ quả, với diện tích 2,1 ha, hoạt động từ năm 2016, vốn đầu tư khoảng 30 tỷ đồng. Hàng hoá tại chợ chủ yếu phân phối cho các chợ dân sinh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng rau củ quả hàng ngày trên địa bàn.

¹³ 14 dự án: (1) Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào cảng Hàng không Tuy Hòa. (2) Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đoạn từ QL1A - ngã ba Phú Hiệp - đường dẫn cầu Đà Nông - giai đoạn 2. (3) Đường giao thông phục vụ Khu Công nghiệp Đông Bắc Sông Cầu - Khu vực II, tỉnh Phú Yên. (4) Tuyến nối Quốc lộ 1A (Đông Mỹ) đến KCN Hòa Hiệp - giai đoạn 1. (5) Hạ tầng tái định cư Hòa Tâm thuộc Khu kinh tế Nam Phú Yên. (6) Dự án Tuyến đường Phước Tân - Bãi Ngà, đoạn qua nhà máy lọc dầu Vũng Rô. (7) Dự án Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu kinh tế Nam Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1 đi Khu kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa). (8) Dự án Tuyến nối Quốc lộ 1A đến khu xử lý rác thải, nước thải và chất thải nguy hại của Khu Kinh tế Nam Phú Yên. (9) Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa - giai đoạn 1. (10) San nền Khu tri thức và đầu tư đoạn đường số 06, đoạn đường Phan Chu Trinh thuộc Khu đô thị mới Nam thành phố Tuy Hòa. (11) Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam thuộc Khu đô thị mới Nam TP. Tuy Hòa. (12) Dự án Khu công viên trung tâm thuộc Khu đô thị mới Nam TP. Tuy Hòa. (13) Hạ tầng KCN An Phú. (14) Xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng KCN Đông Bắc Sông Cầu - Khu vực I.

¹⁴ Dự án Tuyến đường giao thông từ Cảng Bãi Gốc (Khu Kinh tế Phú Yên, tỉnh Phú Yên) kết nối Quốc lộ 1 đi Khu Kinh tế Vân Phong (tỉnh Khánh Hòa); Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Nam thuộc Khu đô thị mới Nam TP. Tuy Hòa; Dự án Khu công viên trung tâm thuộc Khu đô thị mới Nam TP. Tuy Hòa.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 163 cửa hàng tiện lợi, các loại hình hạ tầng thương mại hiện đại khác trên địa bàn phân bố đều trên địa bàn các phường, xã, cơ bản đáp ứng nhu cầu mua sắm, sinh hoạt của người dân.

- Mạng lưới cửa hàng xăng dầu: Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 667 cửa hàng bán lẻ xăng dầu được cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu và có khoảng 30 đơn vị thương nhân phân phối, thương nhân đầu mối trong và ngoài tỉnh, trong đó có 8 đơn vị cung ứng có trụ sở trên địa bàn tỉnh.

- Về lĩnh vực thương mại điện tử: Hiện nay toàn tỉnh Đắk Lắk có 349 website TMĐT bán hàng đã được xác nhận thông báo; 11 ứng dụng TMĐT bán hàng đã được xác nhận thông báo; 09 website cung cấp dịch vụ TMĐT đã xác nhận đăng ký; 02 ứng dụng cung cấp dịch vụ TMĐT đã xác nhận đăng ký.

- Về hạ tầng phát triển Logistics:

- + Khu vực phía Đông Đắk Lắk:

Hiện Dự án Cảng Bãi Gốc có quy mô diện tích vùng đất 156ha và vùng nước 214 ha, tổng vốn đầu tư khoảng 24.000 tỷ đồng, nhà đầu tư là Công ty Cổ phần Cảng Bãi Gốc Phú Yên.

- + Khu vực phía Tây Đắk Lắk:

Hiện trên địa bàn phía Tây tỉnh Đắk Lắk các Doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải chỉ thực hiện kinh doanh 1 trong 17 dịch vụ logistics được cung cấp như (dịch vụ vận tải hàng hóa thuộc dịch vụ vận tải đường bộ). Đến nay, trên địa bàn tỉnh hiện chưa hình thành trung tâm logistics, các hoạt động dịch vụ logistics chưa phát triển mạnh, chưa có doanh nghiệp lớn chuyên cung ứng loại hình dịch vụ này.

(8) Hạ tầng giáo dục và đào tạo

Giáo dục và đào tạo tiếp tục được chú trọng, công tác đổi mới giáo dục và đào tạo được tích cực triển khai, bước đầu mang lại hiệu quả; mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo tiếp tục được mở rộng, tỷ lệ trường học đạt chuẩn, tỷ lệ học sinh ở các cấp học đến trường được cải thiện đáng kể qua từng giai đoạn; chương trình kiên cố hoá trường lớp, phát triển cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đồ dùng dạy học được triển khai hiệu quả. Công tác xã hội hóa giáo dục ở các cấp học được đẩy mạnh, đạt được một số kết quả đáng ghi nhận, góp phần mở rộng quy mô trường, lớp, nâng cao chất lượng giáo dục và chia sẻ gánh nặng cho ngân sách nhà nước¹⁵.

¹⁵ Một số trường có tổng mức đầu tư lớn (trường TH-THCS-THPT Hoàng Việt hơn 300 tỷ đồng, trường TH-THCS-THPT Victory hơn 150 tỷ đồng). Đến năm 2020, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có 77 trường tư thục và dân lập từ Mầm non, phổ thông đến đại học, 10 nhóm lớp mầm non với hơn 28.000 học sinh, gần 3.500 cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên.

Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt khoảng 61%. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chăm lo, ưu tiên đầu tư. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; duy trì vững chắc, từng bước nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT tỉnh trung bình giai đoạn 2020-2024 là 97,46%. Số lượng học sinh đạt giải thưởng quốc gia, khu vực tăng rõ rệt. Phát triển hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học quy mô lớn nhất trong vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo vùng Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia.

(9) Hạ tầng khoa học và công nghệ:

** Phát triển các Trung tâm nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KHCN:*

Hiện nay, tỉnh Đắk Lắk có Trung tâm Thông tin – Ứng dụng Khoa học và Công nghệ, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ. Theo Quyết định 01263/QĐ-UBND ngày 11/9/2025, Trung tâm có nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, triển khai, chuyển giao công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ; thông tin, thống kê khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ công tác quản lý Nhà nước của tỉnh; thực hiện hoạt động sự nghiệp, dịch vụ về hỗ trợ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo phục vụ công tác quản lý nhà nước của tỉnh và nhu cầu của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Trung tâm đã triển khai nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật như trồng nấm, nuôi trùn quế, sản xuất phân hữu cơ sinh học, chế biến nông sản, sử dụng chế phẩm sinh học xử lý môi trường... Các mô hình đạt hiệu quả cao, góp phần chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, tăng thu nhập và bảo vệ môi trường.

Đồng thời, Trung tâm duy trì điểm trưng bày và kết nối cung cầu công nghệ, giới thiệu sản phẩm KH&CN, tư vấn sở hữu trí tuệ, chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao và hợp tác với doanh nghiệp trong lĩnh vực dịch vụ bay phun thuốc, phân bón nông nghiệp.

** Hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN:*

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh đã xuất bản các bản tin, ấn phẩm và chuyên mục truyền thông về khoa học – công nghệ; phổ biến kết quả nghiên cứu, quy trình kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, tiến bộ kỹ thuật và các ứng dụng công nghệ hữu ích trong đời sống, góp phần đưa khoa học – công nghệ vào thực tiễn sản xuất.

Trang thông tin điện tử Sở KH&CN được duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật tin, bài, văn bản, thủ tục hành chính, bảo đảm thông suốt, an toàn dữ liệu và sao lưu (backup) định kỳ.

Bên cạnh đó, Trung tâm đã thu thập, biên tập, số hóa và cập nhật cơ sở dữ liệu KH&CN từ các tạp chí, bản tin, kết quả nhiệm vụ KH&CN của tỉnh và các địa phương; đồng thời rà soát, loại bỏ dữ liệu trùng lặp nhằm xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất, phục vụ tốt hơn cho công tác tra cứu, quản lý và khai thác thông tin KH&CN.

Về truy xuất nguồn gốc: Đã đưa vào vận hành và duy trì Trang truy xuất nguồn gốc Đắk Lắk tại địa chỉ: <https://txng.daklak.vn/> từ năm 2022, bước đầu tạo tài khoản, cấp quyền, tạo sản phẩm cho các đơn vị trên hệ thống; cấp mã tem và in tem truy xuất nguồn gốc cho 24 tổ chức, doanh nghiệp.

** Hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN và các hoạt động đo lường, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn,...:*

- Hạ tầng kỹ thuật trang thiết bị, phòng thí nghiệm phục vụ nghiên cứu, ứng dụng KH&CN:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có một số cơ sở thực nghiệm khoa học và công nghệ như: Trại Thực nghiệm KH&CN Đắk Lắk, Trại Thực nghiệm KH&CN Cư M'gar, Trại Thực nghiệm KH&CN Phú Yên được giao cho Trung tâm Thông tin Ứng dụng Khoa học và Công nghệ quản lý sử dụng cơ sở vật chất. Hiện nay, các cơ sở thực nghiệm đang vận hành ổn định, đóng góp cho sự phát triển về lĩnh vực khoa học và công nghệ tỉnh nhà.

- Công tác đo lường, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo:

Trong 9 tháng đầu năm 2025, đã triển khai các hoạt động đo lường, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo với 10.180 phương tiện đo thuộc nhiều lĩnh vực, bao gồm: kiểm định cột đo xăng dầu, kiểm định đồng hồ taximet, kiểm định cân phân tích, cân thông dụng, cùng các phương tiện đo trong lĩnh vực y tế như máy đo điện tim, máy đo điện não, và các thiết bị phục vụ an toàn lao động.

Ngoài ra, hoạt động đo lường, thử nghiệm, kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo đã liên kết với các đơn vị có đủ năng lực để thực hiện thực hiện và cung cấp 420 lượt dịch vụ kỹ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh. Các dịch vụ này bao gồm: cho thuê và đọc liều kế cá nhân, hiệu chuẩn Micropipet, hiệu chuẩn các thiết bị nhiệt, kiểm định một số thiết bị trong y tế như máy thở, dao mổ điện, máy thở và máy gây mê kèm thở,....

** Thị trường KH&CN, sàn giao dịch, mạng lưới khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, các cơ sở ươm tạo công nghệ, cơ sở ươm tạo doanh nghiệp KH&CN.*

Xây dựng Cổng thông tin Khởi nghiệp của tỉnh (địa chỉ <http://ipc.daklak.gov.vn>), trong đó, thiết kế riêng mục về chuyên đề KNĐMST; thường xuyên cập nhật tin bài, thông tin về lĩnh vực khởi nghiệp và quảng bá sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm Ocop trên Website. Ngoài ra, Sở còn phối hợp với Sở Tài chính duy trì, vận hành, đảm bảo an ninh, an toàn Cổng thông tin điện tử KNĐMST tỉnh Đắk Lắk tại địa chỉ: <https://khoinghiep.daklak.gov.vn>

Phối hợp Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk phát sóng chuyên mục Khởi nghiệp nằm trong chương trình thời sự tối thứ 4 hàng tuần. Các chương trình, bản tin thời sự, chuyên trang, chuyên mục (cả phát thanh và truyền hình) cũng được lồng ghép tuyên truyền về lĩnh vực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

Phối hợp Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh đã triển khai tuyên truyền các tấm gương điển hình tiêu biểu, các hoạt động khởi nghiệp trên hệ thống loa phát thanh, truyền hình của địa phương và trên các trang mạng xã hội về khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, gương điển hình phụ nữ khởi nghiệp,...thu hút nhiều cán bộ, hội viên phụ nữ tham gia đăng tin bài.

- Thành lập các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không gian làm việc chung:

Trên cơ sở hướng dẫn của Bộ KH&CN tại công văn số 3701/BKHCN-PTTĐDN ngày 20/12/2021 về việc hướng dẫn hình thành và phát triển trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại bộ, ngành, địa phương, tổ chức có tiềm năng phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tỉnh đã tham mưu xây dựng và hình thành một số mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (ĐMST) tại các trường Đại học, Cao đẳng, Hội, Hiệp hội doanh nghiệp.

+ Hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk nằm trong chương trình hợp tác giữa UBND tỉnh Đắk Lắk và Trường Đại học Tây nguyên . Cơ sở vật chất Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh Đắk Lắk đã được đầu tư đảm bảo các điều kiện theo quy định, như bố trí các phòng, hội trường, bàn ghế, internet, điện, nước, các công trình phụ... phục vụ sinh hoạt cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký không gian làm việc, sinh hoạt, hội họp, kết nối, chia sẻ, trưng bày sản phẩm khởi nghiệp...

+ Trung tâm Hỗ trợ Khởi nghiệp Sáng tạo tỉnh Đắk Lắk (Daklak Innovation Hub - DIH) được thành lập trên cơ sở hợp tác giữa Công ty TNHH Đường sách Cà phê Buôn Ma Thuột và Học viện Huấn luyện Năng suất (PCA), ra mắt ngày 19/7/2024. Trung tâm có chức năng thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo tại địa phương; hỗ trợ, ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp; kết nối nguồn lực về vốn, công nghệ, thị trường và chuyên gia; tổ chức đào tạo, huấn luyện kỹ năng cho các cá nhân, nhóm khởi nghiệp.

+ Mô hình Điểm kết nối cung - cầu công nghệ của Trung tâm Khoa học và Công nghệ: Hoạt động từ năm 2018. Đây là nơi trưng bày và giới thiệu các sản phẩm khoa học và công nghệ của tỉnh, doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong và ngoài tỉnh; cung ứng các sản phẩm và dịch vụ khoa học và công nghệ; hợp tác, liên doanh, liên kết các đơn vị, viện trường, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh xúc tiến các hoạt động kết nối chuyển giao công nghệ và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân lĩnh vực khoa học và công nghệ.

+ Điểm kết nối cung - cầu công nghệ của Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KH-CN tỉnh Đắk Lắk đóng vai trò làm cầu nối giữa các doanh nghiệp, cá nhân với các nguồn cung – cầu công nghệ trên cả nước thông qua cơ sở dữ liệu của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (Bộ KH&CN). Hoạt động này hỗ trợ tư vấn công

nghệ, kết nối đầu tư tài chính – công nghệ, tư vấn cải tiến kỹ thuật và cung cấp thông tin về nhu cầu, giải pháp tối ưu cho doanh nghiệp. Một số kết quả nổi bật gồm: đặt hàng máy tách màu gạo, máy chế biến tinh bột chuối, triển khai truy xuất nguồn gốc sản phẩm, công nghệ trồng rau thủy canh... Qua đó, Điểm kết nối đã góp phần thúc đẩy thương mại hóa sản phẩm KH-CN, tận dụng phế phẩm nông nghiệp, nâng cao giá trị nông sản, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho nông dân, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp.

+ Hình thành các mô hình ĐMST trong các trường học của tỉnh:

Mô hình ĐMST của Trường Cao đẳng Công thương miền Trung (MITC): Thành lập Trung tâm Ươm tạo doanh nghiệp và ĐMST vào năm 2018.

Mô hình ĐMST của Trường Đại học Xây dựng miền Trung (MUCE): Trung tâm Truyền thông và quan hệ doanh nghiệp thuộc Trường Đại học Xây dựng miền Trung được giao nhiệm vụ thực hiện công tác ĐMST và khởi nghiệp cho sinh viên.

(10) Hạ tầng y tế

Hệ thống y tế tỉnh có mạng lưới khá hoàn chỉnh, bao gồm 47 cơ sở trực thuộc Sở Y tế: 14 bệnh viện tuyến tỉnh, 24 Trung tâm Y tế với 279 trạm y tế xã/phường và 08 trung tâm chuyên môn khác. Toàn ngành có khoảng 7.766 cán bộ.

- Hạ tầng y tế tuyến tỉnh và đô thị lớn:

+ Các bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế đã được đầu tư, nâng cấp; một số cơ sở có quy mô và năng lực ổn định (như Bệnh viện Đa khoa Buôn Ma Thuột với 260–280 giường và 68 bác sĩ chuyên khoa). Tuy nhiên vẫn còn khoảng cách so với nhu cầu chuyên sâu (tim mạch, ung bướu, điều trị kỹ thuật cao).

+ Hiện tỉnh đang xúc tiến các dự án y tế quy mô lớn như Bệnh viện Sản Nhi tỉnh, Trung tâm Ung bướu, Bệnh viện Đa khoa Buôn Hồ, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC)... Các dự án này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao năng lực y tế chuyên sâu giai đoạn 2026–2030 của tỉnh.

- Y tế cơ sở: Toàn tỉnh có 279 trạm y tế và 102 trạm trung tâm xã/phường, góp phần cung cấp dịch vụ y tế ban đầu cho người dân. Tuy nhiên, nhiều cơ sở còn hạn chế về cơ sở vật chất, thiết bị xét nghiệm, phòng khám chuyên khoa và khả năng cấp cứu ban đầu. Tỉnh đang triển khai các chương trình nâng cao năng lực y tế cơ sở theo chỉ đạo của Chính phủ và Bộ Y tế.

- Nhân lực y tế - một yếu tố hạ tầng “mềm” nhưng then chốt: Tỷ lệ bác sĩ, số giường/10.000 dân của tỉnh Đắk Lắk trong các báo cáo những năm gần đây đạt một số chỉ tiêu tương đối khả quan, nhưng phân bố còn không đồng đều: tập trung ở bệnh viện tuyến tỉnh, Trung tâm Y tế có nguồn thu lớn, phát triển về hạ tầng; thiếu ở vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Hạ tầng kỹ thuật và thiết bị y tế: Một số bệnh viện tỉnh, cơ sở lớn đã đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đồng thời ngành y tế tỉnh cũng tăng cường công tác truyền máu, pháp y, kỹ thuật chẩn đoán. Tuy nhiên, thiết bị chuyên sâu (MRI, CT hiện đại nhiều lát cắt, hệ thống can thiệp tim mạch chuyên sâu, xạ trị ung bướu quy mô lớn) vẫn chưa đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng.

- Hạ tầng số và chuyển đổi số y tế: Tỉnh đã triển khai các chương trình ứng dụng công nghệ thông tin và hạ tầng số trong y tế, hướng tới hồ sơ sức khỏe điện tử và kết nối dữ liệu bệnh viện, theo chỉ đạo của Bộ Y tế (hoàn thành giai đoạn mở rộng trước 30/9/2025). Tuy nhiên, việc kết nối, chia sẻ dữ liệu và năng lực hạ tầng mạng ở một số khu vực còn hạn chế. Đề án phát triển hạ tầng y tế số cấp quốc gia sẽ là cơ sở quan trọng hỗ trợ địa phương trong giai đoạn 2026–2030.

- Cấp cứu, y tế dự phòng và phòng chống dịch: Hệ thống y tế dự phòng, truyền thông về sức khỏe được duy trì (vắc xin, giám sát dịch tễ) và trong các năm gần đây ngành y tế tỉnh đã triển khai nhiều chương trình phòng chống dịch, nâng năng lực phản ứng. Tuy nhiên, năng lực xử lý các đợt dịch lớn, hệ thống hồi sức tích cực ở tuyến tỉnh/vùng vẫn cần bổ sung giường ICU, oxy y tế, trang thiết bị chuyên sâu.

(11) Hạ tầng văn hoá, thể thao, du lịch

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, nhiều dự án hạ tầng du lịch được triển khai với cơ cấu vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương.

- Từ nguồn vốn ngân sách Trung ương: có 5 dự án đầu tư gồm: Nâng cấp đường từ QL14 (đoạn giao với đường Lê Duẩn) vào Khu du lịch sinh thái Ea Kao; Đường ven Vịnh Xuân Đài; Tuyến đường dọc Vịnh Xuân Đài - Nhất Tự Sơn; Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur với tổng mức đầu tư gần 520 tỷ đồng.

- Từ nguồn ngân sách tỉnh: có 10 dự án đầu tư gồm: Đường vào thác Bìm Bịp; Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực trung tâm điểm du lịch hồ Lắk; Nâng cấp vỉa hè, hệ thống điện bờ hồ và Trung tâm huyện phục vụ du lịch hồ Lắk; Đường ven hồ Lắk đoạn quanh điểm du lịch buôn Jun; Nâng cấp, mở rộng đường giao thông vào khu du lịch cụm thác Dray Sáp Thượng và Dray Nur; Đường giao thông trục chính vào khu du lịch sinh thái Buôn Đôn; Cải tạo đường vào khu du lịch thác Thủy Tiên; Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Tỉnh lộ 1 vào khu du lịch Thanh Hà; Đường giao thông quanh bờ hồ, khu du lịch hồ Tân An; Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà đày Buôn Ma Thuột; Đầu tư xây dựng đập dâng khắc phục tình trạng cạn kiệt nguồn nước đoạn sông Sêrêpôk đi qua Khu du lịch Buôn Đôn với tổng mức đầu tư hơn 174 tỷ đồng.

3. Đánh giá chung về thực trạng phát triển kết cấu hạ tầng của địa phương

a) Ưu điểm

Sau 13 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW và các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Bên cạnh đó, được sự quan tâm đầu tư, hỗ trợ của Trung ương, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và sự ủng hộ của nhân dân trên địa bàn tỉnh kết cấu hạ tầng của tỉnh Đắk Lắk đã có những chuyển biến quan trọng:

- Các khu, cụm công nghiệp từng bước được đầu tư, hoàn thiện, góp phần tạo điều kiện cho thu hút doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh. Hạ tầng giao thông được quan tâm tập trung đầu tư từ nhiều nguồn vốn, nhiều dự án trọng điểm quốc gia, liên vùng, liên tỉnh, nội tỉnh được đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đi lại, vận chuyển trong và ngoài tỉnh. Công tác quy hoạch, đảm bảo vật liệu xây dựng, phát triển nhà ở và hạ tầng kỹ thuật được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng đô thị. Hệ thống đô thị phát triển nhanh về số lượng, quy mô; tỷ lệ đô thị hóa tăng, hình thành mạng lưới đô thị trung tâm - vệ tinh liên kết vùng.

- Hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin được trang bị, nâng cấp và hoàn thiện trong các cơ quan, đơn vị hành chính và tổ chức, doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ số, công nghệ thông tin phục vụ các lĩnh vực kinh tế - xã hội, như: nông nghiệp, du lịch, tài chính, ngân hàng, dịch vụ, y tế, giáo dục, giao thông vận tải... Nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đa dạng, ngoài nguồn lực của Nhà nước, có sự tham gia của toàn xã hội, đặc biệt là sự tham gia đóng góp tự nguyện của người dân với nhiều hình thức trong phát triển hạ tầng nông thôn và sự tham gia đầu tư của cộng đồng doanh nghiệp trong phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ của tỉnh.

- Đóng góp của khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh của tỉnh ngày càng tăng. Chuyển đổi số, trọng tâm là xây dựng chính quyền số, thúc đẩy phát triển kinh tế số và xây dựng xã hội số được quan tâm đẩy mạnh. Phát triển kinh tế số đạt được nhiều kết quả tích cực, dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt ngày càng phát triển.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 đạt khoảng 61%. Giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số được chăm lo, ưu tiên đầu tư. Phát triển hệ thống các trường đại học, phân hiệu học viện, phân hiệu đại học quy mô lớn nhất trong vùng, đáp ứng nhu cầu đào tạo vùng Tây Nguyên và các nước Lào, Campuchia.

- Hệ thống thiết chế văn hóa được tăng cường đầu tư, nâng cao chất lượng; hoạt động sáng tạo văn học, nghệ thuật phát triển tích cực. Hệ thống cơ sở vật chất, công trình cho hoạt động thể dục, thể thao được quan tâm đầu tư xây dựng. Phong trào thể dục thể thao ngày càng được Nhân dân hưởng ứng; thể thao thành tích cao có bước phát triển; đã đăng cai tổ chức thành công nhiều giải thể thao khu vực, toàn quốc.

- Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được đầu tư và củng cố, 79,86% xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn đến 2030; phát huy tốt vai trò trong phòng, chống dịch bệnh; ứng dụng thành công các kỹ thuật mới, tiên tiến, điều trị có hiệu quả một số bệnh nặng, hiểm nghèo. Hình thành nhiều cơ sở y tế tư nhân với quy mô lớn và trang thiết bị hiện đại, góp phần giảm áp lực cho hệ thống y tế công lập.

b) Khó khăn, hạn chế và nguyên nhân

**** Khó khăn, hạn chế:***

- Hạ tầng khu, cụm công nghiệp chưa đồng bộ, tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường chưa đạt kế hoạch đề ra; Mạng lưới giao thông còn nhiều hạn chế, phát triển đô thị và quản lý, sử dụng tài nguyên khoáng sản, đất đai, môi trường còn bất cập. Thương mại - dịch vụ phát triển và có mức tăng trưởng khá, nhưng đóng góp vào cơ cấu kinh tế còn thiếu ổn định. Chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn, doanh nghiệp lớn. Năng lực cạnh tranh của ngành du lịch chưa cao, chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của tỉnh.

- Khoa học và công nghệ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số vẫn còn khoảng cách xa so với mục tiêu đề ra. Công tác xúc tiến, thu hút đầu tư chưa thực sự hiệu quả; tiến độ triển khai các dự án ngoài ngân sách còn chậm. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm, ảnh hưởng đến tiến độ một số dự án quan trọng và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công. Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch chuyên ngành khác còn chồng chéo, thiếu đồng bộ.

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo chưa thật sự quan tâm, đầu tư xứng tầm để thực hiện định hướng xây dựng và phát triển con người Đắk Lắk toàn diện, bản sắc. Cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học chưa theo kịp yêu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, điều kiện kinh tế khó khăn.

- Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Chưa có nhiều cơ chế, chính sách hiệu quả nhằm khai thác, phát huy các giá trị văn hóa. Các thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cấp xã còn nhiều hạn chế, chưa được đầu tư đồng bộ.

** Nguyên nhân:*

- Nguyên nhân khách quan: Tình hình kinh tế - chính trị thế giới biến động rất nhanh, mạnh, phức tạp, chưa có tiền lệ, vượt quá khả năng dự báo. Tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là đại dịch COVID-19 đã ảnh hưởng nặng nề đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân. Các nguồn lực đầu tư cho phát triển còn hạn hẹp; hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ. Chính sách, pháp luật trong một số lĩnh vực còn chồng chéo, vướng mắc, thiếu ổn định. Cơ chế bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung chưa rõ ràng.

- Nguyên nhân chủ quan: Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành ở một số cấp, ngành, địa phương còn thiếu tính chủ động, quyết liệt; chưa tập trung mạnh mẽ vào những việc, những khâu quan trọng có tính quyết định. Tinh thần, trách nhiệm của một số người đứng đầu cơ quan trong hệ thống chính trị; thái độ, ý thức trách nhiệm, năng lực, trình độ của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa cao, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác cán bộ, nhất là đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ là người đồng bào dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ LÝ LUẬN, THỰC TIỄN VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ MỚI NẢY SINH QUA QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG TRÊN ĐỊA BÀN

(1) Bối cảnh thế giới, trong nước và yêu cầu tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước những năm sắp tới.

Dự báo tình hình thế giới tiếp tục có sự chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường; chủ nghĩa bảo hộ, chiến tranh thương mại gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu; chiến tranh, xung đột xảy ra giữa một số quốc gia. Sự phát triển và ứng dụng rộng rãi của công nghệ mới, nhất là trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng đang trở thành xu thế tất yếu, tạo thời cơ, thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít thách thức, khó khăn. Những vấn đề an ninh phi truyền thống, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt, khó dự báo. Đất nước có sự đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ về tư duy phát triển trên tất cả các lĩnh vực; các đột phá chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm về hoàn thiện thể chế, phát triển kết cấu hạ tầng, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, cuộc cách mạng về mô hình tổng thể và tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả... Trong tỉnh, kinh tế tiếp tục phục hồi và phát triển; việc tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tạo nên không gian phát triển mới; với truyền thống đoàn kết

trong Đảng bộ, đoàn kết giữa các vùng miền và các dân tộc sau khi sắp xếp giữa các địa phương, đặc biệt là truyền thống đoàn kết gắn bó lâu đời giữa hai tỉnh Đắk Lắk (cũ) - Phú Yên, đó là nguồn lực nội sinh quan trọng cần phải được phát huy trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh chưa thật bền vững, tốc độ tăng trưởng vẫn chưa tương xứng tiềm năng và chưa có nhiều đột phá, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao; các vấn đề về suy giảm tài nguyên, biến đổi khí hậu, dịch bệnh diễn biến ngày càng khó lường đã, đang trở thành thách thức lớn của tỉnh. Xu thế công nghệ số và tốc độ tăng trưởng của các tỉnh có lợi thế so sánh sẽ phát triển mạnh, nếu không nắm bắt, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp có hiệu quả sẽ dẫn đến nguy cơ tụt hậu là những khó khăn, thách thức đối với sự phát triển của tỉnh.

(2) Yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại và đảm bảo kết nối.

Trong giai đoạn phát triển mới, việc tiếp tục đầu tư, hoàn thiện và hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị, là yêu cầu mang tính nền tảng và cấp bách để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách toàn diện và bền vững. Hạ tầng giao thông giữ vai trò huyết mạch trong kết nối liên vùng, liên tỉnh, giữa các trung tâm kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị trung tâm và các đầu mối giao thương quốc tế. Một hệ thống giao thông hiện đại, đồng bộ, đa phương thức và có tính liên thông cao sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa, phát triển dịch vụ và giảm chi phí logistics, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

Cùng với đó, phát triển hạ tầng đô thị theo hướng hiện đại, thông minh, xanh và bền vững là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng sống của người dân, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, hiệu quả và hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội - môi trường. Hạ tầng đô thị cần được quy hoạch và xây dựng đồng bộ với hệ thống giao thông, cấp thoát nước, năng lượng, công nghệ thông tin và các dịch vụ công cộng khác; đảm bảo thích ứng với tốc độ đô thị hóa nhanh và yêu cầu phát triển đô thị theo hướng bền vững, thân thiện với môi trường.

Trong những năm tới, phát triển hạ tầng giao thông và đô thị phải gắn với yêu cầu hiện đại hóa đất nước theo hướng công nghiệp hóa dựa trên nền tảng công nghệ cao, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Đồng thời, cần đẩy mạnh thu hút các nguồn lực xã hội thông qua hợp tác công – tư (PPP), cải cách thể chế, rút ngắn thủ tục đầu tư và tăng cường điều phối giữa các cấp, các ngành trong quá trình triển khai.

Để đáp ứng yêu cầu đó, việc tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển kết cấu hạ tầng đóng vai trò then chốt. Cần xây dựng khung pháp lý rõ ràng, minh bạch, ổn định để tạo niềm tin và sự hấp dẫn đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời, có cơ chế phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương để nâng cao hiệu quả quản lý và triển khai dự án. Chính sách thu hút nguồn lực cần ưu tiên cho các lĩnh vực hạ tầng có tính động lực và lan tỏa đối với sự phát triển chung của tỉnh, đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Đặc biệt, việc đổi mới cơ chế tài chính, đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư, khuyến khích các hình thức đầu tư sáng tạo sẽ là điều kiện quan trọng để bảo đảm tiến độ và chất lượng các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia.

Tóm lại, tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng giao thông và hạ tầng đô thị một cách đồng bộ, hiện đại, gắn với hoàn thiện thể chế và huy động hiệu quả nguồn lực là tiền đề quan trọng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, góp phần xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát triển nhanh và bền vững trong thời kỳ mới.

(3) Khả năng huy động nguồn lực thực hiện phát triển kết cấu hạ tầng theo tinh thần Nghị quyết số 13-NQ/TW, Kết luận 72-KL/TW và quy hoạch tỉnh đến năm 2030.

Huy động nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là giao thông (đường bộ, hàng không, cảng biển), hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Tăng cường liên kết phát triển liên vùng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung vào các ngành kinh tế có lợi thế và giá trị gia tăng cao. Quan tâm đơn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các dự án lớn đã khởi công, khởi động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

(4) Yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng.

- Tiếp tục tái cơ cấu kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới. Cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao. Phát triển nông nghiệp sinh thái, bền vững, hình thành các vùng chuyên canh quy mô lớn gắn với chuỗi giá trị.

- Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thông qua việc cải cách hành chính, đổi mới mạnh mẽ tư duy hành chính, chuyển từ kiểm soát sang đồng hành, phục vụ doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số để cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh.

- Huy động nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là giao thông (*đường bộ, hàng không, cảng biển*), hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Tăng cường liên kết phát triển liên vùng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung vào các ngành kinh tế có lợi thế và giá trị gia tăng cao. Quan tâm đơn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các dự án lớn đã khởi công, khởi động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

- Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với định hướng phát triển các ngành mũi nhọn (*nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế tạo, chế biến, năng lượng tái tạo...*). Thực hiện chính sách thu hút lao động chất lượng cao, y, bác sĩ, nhà khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước, đặc biệt là chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đổi mới, nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả của việc triển khai các chương trình hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả thu hút FDI.

- Xây dựng con người Đắk Lắk phát triển toàn diện gắn với xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, gìn giữ những nét đặc trưng, đặc thù riêng của đồng bào các dân tộc. Phát huy các giá trị di sản văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng để phát triển bền vững. Tăng cường giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm việc khai thác, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị cốt lõi về thiên nhiên, lịch sử văn hóa.

IV. ĐỀ XUẤT QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG KẾT CẤU HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ, HIỆN ĐẠI ĐẾN NĂM 2045

1. Quan điểm, mục tiêu

- Quan điểm:

+ Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, toàn diện và bền vững trên cơ sở khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế đặc trưng. Xác định đổi mới sáng tạo, khoa học và công nghệ là động lực cốt lõi để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Tập trung phát triển đồng bộ các trụ cột kinh tế có lợi thế so sánh, gồm: Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến sâu, công nghiệp luyện kim, lọc hóa dầu, năng lượng tái tạo; kinh tế rừng, kinh tế biển; dịch vụ cảng biển, logistics và du lịch sinh thái, văn hóa, bản sắc. Phát triển kinh tế gắn với tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số là định hướng xuyên suốt, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển bền vững, tiến bộ và công bằng xã hội.

+ Phát triển có trọng tâm, trọng điểm; tổ chức lại không gian phát triển theo hướng mở rộng liên kết vùng - liên kết ngành, khai thác hiệu quả các hành lang kinh tế Đông - Tây, ven biển và xuyên vùng để hình thành các chuỗi giá trị liên kết chặt chẽ. Phát triển đô thị theo mô hình chuỗi; trong đó, khu vực Buôn Ma Thuột là trung tâm phía Tây, khu vực Tuy Hòa là trung tâm ven biển phía Đông của tỉnh; hình thành các cực tăng trưởng, khu kinh tế, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ động lực ở cả phía Tây và phía Đông tỉnh.

- Mục tiêu:

Xây dựng Đảng bộ, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Khai thác và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, bản sắc văn hóa của các dân tộc và không gian phát triển mới để phát triển nhanh và bền vững; tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao chất lượng đời sống của Nhân dân, bảo vệ môi trường sinh thái và đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh.

2. Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng

a. Định hướng phát triển chung

Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới. Tổ chức, sắp xếp hợp lý không gian, lãnh thổ, phát triển hệ thống đô thị trở thành các cực phát triển, trung tâm kinh tế của tỉnh, vùng; bố trí không gian phát triển các ngành dịch vụ liên kết hiệu quả với các ngành sản xuất công nghiệp, nông nghiệp gắn với các hành lang kinh tế Bắc - Nam, Đông - Tây, xây dựng tỉnh trở thành trung tâm giao thương và là một trong những cửa ngõ chiến lược của Tây Nguyên ra biển, tạo sự kết nối đồng bộ với các trung tâm kinh tế lớn trên cả nước. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho công tác bảo trì, sửa chữa và nâng cấp cải tạo hệ thống quốc lộ được phân cấp trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu vận tải và bảo đảm an toàn cho người và phương tiện tham gia giao thông; quan tâm đầu tư, thay thế các cầu yếu và cầu dân sinh khu vực miền núi. Nghiên cứu phát triển hạ tầng năng lượng, hạ tầng nhiên liệu, góp phần đáp ứng yêu cầu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp đầy đủ năng lượng ổn định, có chất lượng cao cho phát triển kinh tế - xã hội. Quan tâm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và ổn định tổ chức trung tâm hành chính cấp xã mới, đặc biệt là kết cấu hạ tầng phục vụ người dân và doanh nghiệp; phát huy tối đa lợi thế của địa phương. Thu hút các nguồn lực xã hội tham gia đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong phát triển hạ tầng.

Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh. Tập trung rà soát, sớm hoàn thành xây dựng và triển khai hiệu quả Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (sau sắp xếp) thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch và phù hợp với định hướng phát triển vùng kinh tế - xã hội mới được hình thành trên cơ sở vùng Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ; triển khai thực hiện hiệu quả các quy hoạch ngành, lĩnh vực của địa phương làm cơ sở để thu hút đầu tư, khai thác hiệu quả tiềm năng “1 tỉnh - 2 sinh thái - đa lợi thế” để hình thành hành lang phát triển biển - cao nguyên, biên giới, phát huy tối đa lợi thế cạnh tranh, các giá trị văn hóa, lịch sử và không gian phát triển mới.

Tổ chức triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên và duyên hải Trung Bộ; Kết luận số 67-KL/TW, ngày 16/12/2019 về xây dựng và phát triển Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; chủ động phối hợp để khẩn trương đề xuất điều chỉnh Quy hoạch vùng và ban hành các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội vùng để khai thác nguồn lực, lợi thế; phát triển các “chuỗi” giá trị nông sản, dịch vụ; phát triển kinh tế biển; khai thác hạ tầng kỹ thuật cảng, sân bay, nguồn nhân lực.

b. Định hướng và giải pháp đối với các lĩnh vực cụ thể:

(1) Hoàn thành và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Tập trung rà soát, sớm hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng và tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và không gian phát triển mới.

- Tích cực phối hợp cùng các bộ, ngành Trung ương hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kết luận số 67-KL/TW của Bộ Chính trị; triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về cơ chế chính sách đặc thù xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tại các xã, phường mới được thành lập tương ứng.

- Thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(2) Phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, quy mô lớn, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng Chương trình về cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh học, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp carbon; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, gắn nông nghiệp với du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, kết nối với công nghiệp chế biến và thị trường.

- Tăng cường cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi; kết nối sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng và phát triển thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nuôi công nghiệp ở vùng biển hời, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tối ưu hóa khai thác thủy sản vùng khơi, tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, lao động; đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá. Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong mối liên kết chuỗi sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại thủy sản để tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người sản xuất. Xây dựng và phát triển thương hiệu “Tôm hùm Phú Yên

- Phát triển công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước. Nâng dần mức đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; đảm bảo tiêu thoát lũ sớm, lũ muộn, bảo vệ sản xuất; chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do lũ chính vụ gây ra.

- Từng bước xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, hiện đại, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ.

(3) Cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, chương trình về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh như công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp sản xuất máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ cùng những điều kiện hỗ trợ tốt nhất của tỉnh; nghiên cứu áp dụng các chính sách đặc thù đối với những dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Triển khai có hiệu quả Phương án phát triển điện lực tỉnh và kế hoạch điều chỉnh thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, bảo đảm triển khai và hoàn thành các nguồn, lưới điện đúng tiến độ theo danh mục các dự án theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo đã và đang xây dựng để sớm đưa vào vận hành phát điện. Khuyến khích kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển năng lượng; phát triển các dự án có đầu tư hệ thống tích trữ năng lượng để vận hành tối ưu hệ thống và tích hợp năng lượng tái tạo nhằm ổn định cung cầu năng lượng, đảm bảo phân phối điện tới các vùng nông thôn, miền núi, biên giới.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ nhà đầu tư để nhanh chóng tiếp cận và chuyển giao các công nghệ mới, hiện đại; nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ; khuyến khích chuyển đổi, thay thế thiết bị lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện cơ chế, pháp lý để hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành: Công nghiệp cơ khí chế tạo, linh kiện điện tử, chế biến nông, lâm, hải sản, hóa chất, vật liệu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp,... hướng đến phát triển công nghiệp chế tạo thông minh, phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp sản xuất chuyên ngành hoặc theo chuỗi sản xuất, cung ứng. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, tăng cường liên kết ngành, thu hút đầu tư, hình thành các trung tâm chế biến gắn với vùng nguyên liệu, có tính chuyên môn hóa cao theo chuỗi giá trị, định hướng công nghiệp sinh thái với việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao. Chú trọng sử dụng nguồn nguyên vật liệu đã được nội địa hoá, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, tăng tính tự chủ, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phục vụ các ngành công nghiệp xuất khẩu lớn như: Công nghệ thông tin, dệt may, da giày, cơ khí, công nghệ cao... và tăng cường khả năng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do (FTA). Hợp tác có hiệu quả với các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là hỗ trợ đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI để trở thành nhà cung cấp trong nước.

(4) Tập trung phát triển kinh tế biển và du lịch thành động lực tăng trưởng

- Đề xuất cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp với Nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Huy động tối đa nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp và nhà đầu tư chiến lược tham gia phát triển du lịch.

- Xây dựng đề án, chiến lược phát triển du lịch giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045; xác định rõ sản phẩm đặc trưng, không gian, thị trường và các chỉ tiêu phát triển. Lập bản đồ du lịch, khoanh vùng tài nguyên và di tích để quản lý, bảo tồn, khai thác bền vững tại Đầm Ô Loan, Vũng Rô, Đèo Cả, Núi Đá Bia, Vườn quốc gia Yok Đôn, Hồ Lắk, Vườn quốc gia Chư Yang Sin; xây dựng các khu công viên động vật hoang dã (safari); lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận Khu dự trữ sinh quyển thế giới Vườn quốc gia Yok Đôn; ưu tiên cơ chế đặc thù cho các khu, điểm du lịch trọng điểm như Vịnh Xuân Đài, Gành Đá Đĩa, Tháp Nhạn, Hòn Yến, Cao nguyên Vân Hòa...

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại tại các điểm đến tiềm năng; gắn kết với hạ tầng giao thông chiến lược (quốc lộ, đường bay, ga tàu, đường thủy); đầu tư nâng cấp Ga Tuy Hòa, tăng thời gian dừng tàu để phát triển loại hình du lịch bằng tàu hoả; đầu tư bến tàu, cầu phao nổi phục vụ phát triển du lịch tại Vịnh Xuân Đài, Hòn Yến, Hòn Lao Mái Nhà, Hòn Nưa, Long Thủy, Phú Thường, Sông Chùa, Đầm Cù Mông... Phát triển đô thị du lịch, kinh tế ban đêm, phố đi bộ - ẩm thực - mua sắm tại phường Tuy Hoà, phường Buôn Ma Thuột...

- Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng và quốc tế để hình thành tour - tuyến đặc sắc; hợp tác, liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi để xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng phục vụ khách. Đồng thời, tăng cường hợp tác phát triển sản phẩm du lịch quốc tế tại châu Âu, Đông Bắc Á, khối ASEAN...

- Khai thác giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể như: Cồng Chiêng Tây Nguyên, Đàn Đá, Kèn Đá, Bài Chòi, Lễ hội Cầu Ngư, Trống đôi, Cồng ba Chiêng năm; phát triển công nghiệp văn hóa gắn với du lịch văn hóa. Đưa văn hóa bản địa, lễ hội truyền thống (cồng chiêng, biển đảo, ẩm thực) vào sản phẩm du lịch.

- Đa dạng hóa loại hình du lịch: Sinh thái, cộng đồng, canh nông, mạo hiểm, nghỉ dưỡng, thể thao, văn hóa - lịch sử; phát triển du lịch cộng đồng tại một số khu vực có tiềm năng; tổ chức các hoạt động chèo thuyền kayak vượt thác ghềnh trên sông Sêrêpôk; đi xe đạp địa hình băng rừng vượt suối; leo núi, cắm trại trong các vườn quốc gia, rừng đặc dụng... Xây dựng Gành Đá Đĩa thành di sản thiên nhiên thế giới, làm điểm nhân phục vụ phát triển du lịch. Lấy “trải nghiệm du khách làm trung tâm”, phát triển theo chuỗi giá trị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá hình ảnh điểm đến tại thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng thương hiệu riêng: “Đắc Lắc - Điểm đến Cà phê thế giới”, “Phú Yên - Nơi thiên nhiên hội tụ”.

- Phát triển kinh tế biển bền vững, gắn với quy hoạch liên kết vùng và nhu cầu thực tế. Tập trung khai thác tiềm năng kinh tế biển khu vực ven biển tỉnh kết nối Vân Phong, Cam Ranh.

- Đầu tư hạ tầng ven biển, cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, đê kè ven biển, khu kinh tế Nam Phú Yên, tạo động lực phát triển vùng duyên hải gắn với vùng Tây Nguyên.

- Triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu trong Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quan tâm kêu gọi đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá; phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong môi liên kết chuỗi nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại thủy sản để tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

- Phát triển mạnh các sản phẩm du lịch chủ đạo, có lợi thế như du lịch sinh thái biển - rừng tại các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các vịnh, đảo; du lịch nghỉ dưỡng biển - rừng. Tập trung vào các sản phẩm có giá trị cao như du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái, du lịch khám phá văn hóa biển đảo.

- Rà soát và thu hút đầu tư vào các dự án điện gió ngoài khơi, tận dụng lợi thế về bờ biển dài và nguồn năng lượng dồi dào.

- Huy động các nguồn lực để từng bước triển khai đầu tư hạ tầng logistics cảng biển; đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa để phục vụ phát triển du lịch. Nghiên cứu thu hút đầu tư các công trình, dự án, cơ sở hạ tầng nhằm sớm khai thông Cửa khẩu Đắc Ruê - Chi Miết.

- Phát triển các trung tâm logistics hiện đại, ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa quy trình vận tải và kho bãi. Xây dựng mạng lưới giao thông hiệu quả, kết nối cảng biển với các tuyến đường bộ, đường sắt và đường hàng không để tạo ra một chuỗi cung ứng hàng hóa thông suốt từ cảng biển đến các vùng sản xuất.

4. Huy động nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là giao thông (đường bộ, hàng không, cảng biển), hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, lưới điện truyền tải. Tăng cường liên kết phát triển liên vùng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung vào các ngành kinh tế có lợi thế và giá trị gia tăng cao. Quan tâm đơn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các dự án lớn đã khởi công, khởi động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trong đó, tập trung các giải pháp chủ yếu sau:

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển hạ tầng, ưu tiên vốn ngân sách nhà nước, tập trung đầu tư các công trình, dự án quan trọng kết nối nội vùng, liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn có trọng tâm, trọng điểm, gắn kết.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội, tham gia của các tổ chức, cá nhân vào đầu tư hạ tầng; tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư tư nhân. Huy động hợp lý nguồn vốn ODA, các khoản vay ưu đãi gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Tập trung đầu tư, tích cực phối hợp triển khai, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo trục dọc Bắc - Nam, nhất là các tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; hoàn thành các tuyến đường liên kết vùng, các tuyến quốc lộ, tuyến tỉnh lộ; Dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn tỉnh; hoàn thiện tuyến liên kết vùng từ Cảng Bãi Gốc kết nối Quốc lộ 1 đi Khu kinh tế Vân Phong. Phối hợp nâng cấp cảng hàng không Tuy Hòa đạt tiêu chuẩn cảng hàng không quốc nội 4C, mở rộng sân bay Buôn Ma Thuột, tiến tới đủ điều kiện khai thác các chuyến bay quốc tế từ các quốc gia thị trường tiềm năng và kết nối với các cửa khẩu hàng không quốc tế như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng.... Kiến nghị Trung ương ưu tiên huy động nguồn lực đầu tư tuyến đường bộ cao tốc Đông - Tây tỉnh Đắc Lắc; quan tâm, sớm triển khai đầu tư

tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 29 kết nối Đông - Tây; sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án tuyến đường bộ cao tốc Đông - Tây tỉnh Đắk Lắk; đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; xây dựng đường gom dọc đường sắt đoạn qua địa bàn tỉnh; nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, bổ sung quy hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để sớm đầu tư xây dựng dự án.

- Triển khai có hiệu quả Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp và đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh; tạo quỹ đất sạch thu hút các dự án đầu tư có vốn lớn, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Quan tâm kêu gọi đầu tư xây dựng, phát triển trung tâm xuất khẩu nông sản quy mô lớn, một số trung tâm logistics và ICD, các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức đảm bảo kết nối đồng bộ với Trung tâm logistics của vùng.

- Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư hoàn thành cơ bản việc xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp, trong đó tập trung các dự án xây dựng hạ tầng giao thông kết nối triển khai đúng tiến độ, nhất là các dự án giao thông liên vùng có tính kết nối cao, hạ tầng khu công nghiệp Hòa Tâm...

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa tài liệu cơ quan nhà nước, công dân số, dữ liệu doanh nghiệp tiến tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia; hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công. Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả các dịch vụ đô thị thông minh.

- Phát triển đô thị theo mô hình chuỗi; trong đó, khu vực Buôn Ma Thuột là trung tâm của tỉnh, khu vực Tuy Hòa là trung tâm ven biển phía Đông của tỉnh; hình thành cực tăng trưởng, khu kinh tế, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ động lực.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, bổ sung quy hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để sớm đầu tư xây dựng dự án.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, tập trung huy động nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, các ngành có hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao.

- Phát triển công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng hiệu quả, đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước. Nghiên cứu xây dựng mới các hồ chứa, đập dâng lớn có hiệu quả, ưu tiên triển khai đầu tư dự án hồ Krông Năng, Ea Khal và các hồ trọng điểm của tỉnh; cải tạo, nâng cấp sửa chữa, xây mới các công trình hồ chứa, đập dâng, hệ thống tự chảy và trạm bơm các loại tại các lưu vực sông Krông Ana, sông Sêrêpôk, sông Krông Nô, Krông Năng, Ea H'leo, sông Ba để phục vụ sinh hoạt, tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Nghiên cứu, đầu tư xây dựng các công trình phòng, chống lũ, ngập lụt kết hợp các giải pháp phi công trình đối với vùng thường xuyên xảy ra ngập lụt.

- Tập trung triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về “Đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”. Phần đầu đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 55%. Tăng đầu tư ngân sách và đẩy mạnh thu hút nguồn lực trong xã hội cho đầu tư, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, nhất là hạ tầng cho nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ. Đổi mới phương thức quản lý trên cơ sở xây dựng, kết nối đồng bộ các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, doanh nghiệp, đất đai, tài nguyên; gắn kết chặt chẽ chuyển đổi số với sắp xếp, tinh gọn bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tiến trình chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, thực chất, bền vững trên cả 3 trụ cột (chính quyền số, kinh tế số và xã hội số) và trên tất cả các lĩnh vực; xây dựng, phát triển khu vực Buôn Ma Thuột, Tuy Hòa theo hướng đô thị thông minh, trung tâm chuyển đổi số.

- Xây dựng con người Đắk Lắk phát triển toàn diện gắn với xây dựng, phát triển công dân số và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao, trang bị kiến thức, kỹ năng cần thiết để người dân tham gia hiệu quả vào nền kinh tế số và xã hội số. Phổ cập kỹ năng số cho người dân nhằm xây dựng một xã hội số bao trùm, toàn diện. Xây dựng môi trường văn hóa phong phú, đậm đà bản sắc trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch; tiếp tục gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc; nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của đồng bào các dân tộc thiểu số, đặc biệt là di sản văn hoá cộng đồng Tây Nguyên. Bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa tiêu biểu như: Nhà đày Buôn Ma Thuột, Khu căn cứ kháng chiến tỉnh Đắk Lắk (1965-1975), Thành An Thổ, Nhà thờ Bác Hồ, Bến Vũng Rô, Đền thờ Lê Thành Phương, Đền thờ Lương Văn Chánh... Nâng cao sức khỏe, tầm vóc cho người dân, phát triển thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và chuyên

nghiệp. Tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Ưu tiên bố trí quỹ đất và thu hút các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, nâng cấp mở rộng một số công trình văn hóa và thể thao. Quan tâm kêu gọi đầu tư, phát triển khu liên hợp thể thao vùng; triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Công viên địa chất hướng đến Công viên địa chất toàn cầu UNESCO; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành quy hoạch, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử.

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm tạo ra bước chuyển căn bản, toàn diện và thực chất cho sự nghiệp “trồng người”. Nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục - đào tạo các cấp. Phát triển đào tạo theo hướng đồng bộ, tập trung, tinh gọn, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Tiếp tục sắp xếp lại trường, điểm trường, lớp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông. Quan tâm phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú. Tập trung các nguồn lực xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị các trường học đáp ứng yêu cầu trường chuẩn quốc gia. Đẩy mạnh liên kết các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp trong đào tạo nghề nghiệp; triển khai đào tạo nghề nghiệp theo hình thức đặt hàng; tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Nghiên cứu đầu tư xây dựng các trường đại học, cao đẳng của tỉnh phù hợp với khả năng ngân sách để từng bước trở thành cơ sở đào tạo có chất lượng, uy tín. Đẩy mạnh chuyển đổi số, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về giáo dục, đào tạo.

- Triển khai thực hiện đồng bộ Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 08/9/2025 của Bộ Chính trị về “Một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân”. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Triển khai hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, chăm sóc sức khỏe; quan tâm, phân đấu cải thiện tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, nâng số giường bệnh, số bác sĩ trên một vạn dân, góp phần vào kết quả chung của cả nước. Đổi mới toàn diện nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ở tất cả các tuyến. Đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức quốc tế, bệnh viện và cơ sở đào tạo lớn trong nước. Nâng cao năng lực y tế dự phòng, công tác dân số, quản lý an toàn thực phẩm; phát huy y học cổ truyền và kết hợp Đông - Tây y. Tăng cường quản lý khám chữa bệnh bảo hiểm y tế. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút đầu tư y tế tư nhân chất lượng cao, phát triển du lịch y tế. Quan tâm đầu tư nâng cấp các cơ sở khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân. Thu hút, kêu gọi đầu tư xây dựng các bệnh viện chuyên khoa chất lượng cao. Tăng cường đào tạo, thu hút nhân lực y tế chất lượng cao; cải thiện điều kiện làm việc và đãi ngộ cán bộ ngành y.

- Thực hiện hiệu quả mục tiêu giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, cải thiện đời sống, tăng thu nhập người dân và tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người nghèo; hỗ trợ người dân có sinh kế bền vững thông qua đào tạo, chuyển đổi việc làm, nâng cao dân trí và chính sách tín dụng xã hội. Thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách đối với người có công và thân nhân theo quy định. Quan tâm nâng cấp, mở rộng và đầu tư trang thiết bị Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh; tập trung nguồn lực hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các địa phương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững. Quan tâm bố trí nguồn vốn ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh thu hút đầu tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đầu tư xây dựng mới các cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

- Bảo đảm các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Huy động, phân bổ, sử dụng, quản lý hiệu quả các nguồn lực; cân đối, bố trí thêm nguồn ngân sách tỉnh và các nguồn ngân sách khác để đầu tư, hướng tới phát triển bền vững về kinh tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa của từng vùng dân tộc thiểu số trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Nghiên cứu, xây dựng chính sách đặc thù dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chức sắc, chức việc và tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đề xuất công trình, dự án kết cấu hạ tầng trọng điểm đầu tư trên địa bàn thời kỳ 2026-2030 và đến năm 2045 trên địa bàn

* Về lĩnh vực Hạ tầng giao thông: Đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, có tính lan tỏa cao, cụ thể:

- Đường kết nối cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột với Đường Đông Tây;
- Đầu tư xây dựng các tuyến đường kết nối Quốc lộ 26 ra cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột;
- Hoàn thành DATP3 - Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đưa vào khai thác đồng bộ toàn tuyến theo tiến độ;
- Tuyến cao tốc kết nối phía Đông và phía Tây Đắk Lắk;
- Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 25, 26, 27, 19, 29, 19C;
- Các tuyến giao thông kết nối với cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh;

- Các tuyến đường bộ ven biển; các tuyến kết nối các khu vực ven biển; các tuyến kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch;

- Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tỉnh lộ, các tuyến giao thông liên xã; các tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn.

- * Về lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Đầu tư phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ (Theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2045);

- Hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo vùng; Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với các khu công nghiệp, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Nghiên cứu hình thành Trung tâm Dữ liệu vùng đạt chuẩn theo quy hoạch.

- * Về lĩnh vực công nghiệp, cảng biển

- Hạ tầng các Khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị dịch vụ; Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Khu liên hợp gang thép; Tổ hợp lọc, hoá dầu; hạ tầng năng lượng điện, hạ tầng nhiên liệu.

- * Về lĩnh vực văn hoá - xã hội

- Xây dựng và chỉnh trang đô thị khu Trung tâm văn hóa tỉnh Đắk Lắk (ngã 6 Buôn Ma Thuột);

- Xây dựng khu liên hợp thể thao vùng;

- Bảo quản, tu bổ, phục hồi các khu di tích cấp quốc gia, cấp tỉnh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của tỉnh;

- Nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế; đầu tư Bệnh viện đa khoa chất lượng cao (mở rộng Bệnh viện đa khoa Phú Yên; thu hút đầu tư các bệnh viện chuyên khoa chất lượng cao);

- * Quốc phòng an ninh:

- Đầu tư theo yêu cầu Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 8/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành “Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng địa bàn Tây Nguyên”;

- * Một số công trình hạ tầng, nhiệm vụ khác:

- Các khu liên hợp xử lý chất thải rắn theo quy hoạch;

- Các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương; hạ tầng phục vụ cấp nước sinh hoạt tập trung;

- Các hồ chứa lớn; các công trình Kè chống xói lở; hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền;

- Cải tạo, nâng cấp trụ sở cấp xã; trụ sở một số cơ quan cấp tỉnh, đảm bảo điều kiện làm việc sau khi sắp xếp đơn vị hành chính;

- Cải tạo hạ tầng kỹ thuật hành lang xuôi Ea Nao - Ea Tam (ODA); Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Phú Yên;

- Các khu đô thị, dịch vụ, thương mại, du lịch, sân golf...

4. Kiến nghị

Đề tạo điều kiện khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh cũng như từng bước khắc phục những hạn chế, khó khăn trong quá trình phát triển trong giai đoạn tới; tỉnh Đắk Lắk kiến nghị các nội dung như sau:

a. Đối với Trung ương Đảng

- Đề xuất Bộ Chính trị quan tâm, sớm ban hành Nghị quyết mới về phát triển KTXH, bảo đảm quốc phòng, an ninh đối với vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên - vùng mới được hình thành sau sáp nhập, nhằm tạo cơ sở chính trị quan trọng định hướng phát triển lâu dài.

b. Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành

(1) Đề xuất, kiến nghị liên quan đến phát triển Vùng

Kính đề nghị Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương tiếp tục triển khai hiệu quả hoạt động của Hội đồng điều phối vùng, nâng cao vai trò điều phối, liên kết, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các địa phương, khắc phục các điểm nghẽn trong phát triển.

(2) Về hoàn thiện cơ chế, chính sách nói chung

- Kính đề nghị Chính phủ quan tâm sớm ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 quy định về Quỹ phát triển đất, để Quỹ phát triển đất của tỉnh có cơ sở triển khai thực hiện, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đất đai cho phát triển.

- Về điều chỉnh Quy hoạch tỉnh: Xác định quy hoạch là nền tảng của phát triển, ngay sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh đã chủ động triển khai các bước phục vụ công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh; đến nay đã kịp thời xây dựng các báo cáo đánh giá đột xuất kết quả thực hiện quy hoạch tỉnh, ban hành kế hoạch cụ thể để triển khai điều chỉnh Quy hoạch theo quy định.

Theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 412/TB-VPCP ngày 11/8/2025, các địa phương phải hoàn thành việc điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trước ngày 31/12/2025. Đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng, đòi hỏi chất lượng và tầm nhìn rất cao, trong khi thời gian thực hiện gấp rút, kinh phí thực hiện theo hình thức chỉ định thầu khá lớn so với thông thường.

Tuy nhiên, hiện nay một số quy định về định mức chi phí lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh chưa được cập nhật, hướng dẫn chi tiết (Các định mức hiện hành được xây dựng trên cơ sở khối lượng công việc quy hoạch cấp huyện, liên huyện, chưa tính đến yêu cầu ở cấp xã theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Việc lập điều chỉnh quy hoạch có tính chất kế thừa, cập nhật, nhưng chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định chi phí cho công tác điều chỉnh; Các quy định về định mức chi phí và chỉ định thầu điều chỉnh quy hoạch tỉnh chưa làm rõ đối với trường hợp lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài).

Do đó, kính đề nghị Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan khẩn trương ban hành văn bản hướng dẫn xác định định mức chi phí cho công tác lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, trong đó bổ sung chi phí cho các nội dung ở cấp xã và quy định cụ thể đối với trường hợp lựa chọn đơn vị tư vấn nước ngoài. Đồng thời, sớm ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác chỉ định thầu đối với gói thầu lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, nhằm tạo thuận lợi cho các địa phương trong triển khai thực hiện, bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Về hỗ trợ nguồn vốn Ngân sách Trung ương để đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

- Tỉnh Đắk Lắk sau hợp nhất có địa bàn tương đối rộng, diện tích tự nhiên đứng thứ 3 cả nước, do đó cần sớm hoàn thiện, nâng cấp hạ tầng giao thông để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế mới của tỉnh. Do đó, kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương quan tâm, ưu tiên nguồn vốn thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Phú Yên – Đắk Lắk (giai đoạn 1), đoạn từ cao tốc Bắc – Nam phía Đông đến Quốc lộ 14 (chiều dài khoảng 127 km), tổng mức đầu tư khoảng 31.669 tỷ đồng (Tỉnh Đắk Lắk đã có Tờ trình số 141/LT-ĐL-PY ngày 17/6/2025), với mức vốn đề xuất năm 2026 là khoảng **4.800 tỷ đồng** (tương ứng 15% tổng mức đầu tư dự kiến).

- Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ ngành Trung ương quan tâm, hỗ trợ cho tỉnh Đắk Lắk đầu tư các dự án do Bộ, ngành quản lý nay chuyển về địa phương thực hiện giai đoạn 2026-2030 là khoảng 16.750.000 triệu đồng từ nguồn NSTW hỗ trợ (năm 2025, Bộ Tài chính đã chuyển giao về cho tỉnh quản lý, bao gồm 06 tuyến quốc lộ: Quốc lộ 29, 26, 27, 14C, 25, 19C).

Trên đây là Báo cáo về việc xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, UBND tỉnh Đắk Lắk gửi Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng, ban, trung tâm thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐTKT_(HTam).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Công Thái